

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

NGUYỄN THỊ LỆ HỮU

**QUAN ĐIỂM CỦA V.I. LÊNIN VỀ VẤN ĐỀ
TÔN GIÁO VỚI VIỆC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH
TÔN GIÁO CỦA NHÀ NƯỚC VIỆT NAM HIỆN NAY**

Chuyên ngành : Triết học

Mã số : 60 22 80

LUẬN VĂN THẠC SĨ KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

**2013 | PDF | 92 Pages
buihuuhanh@gmail.com**

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS. NGUYỄN TẤN HÙNG

Đà Nẵng - Năm 2013

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi.

Các số liệu, kết quả nêu trong luận văn là trung thực và chưa từng được công bố trong bất kỳ công trình nào khác.

Tác giả luận văn

NGUYỄN THỊ LỆ HỮU

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của đề tài	1
2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu.....	2
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	3
4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu	3
5. Cấu trúc của luận văn.....	4
6. Tổng quan tài liệu nghiên cứu.....	4
CHƯƠNG 1. QUAN ĐIỂM CỦA V.I. LÊNIN VỀ VẤN ĐỀ TÔN GIÁO 7	7
1.1. MỘT SỐ QUAN ĐIỂM CƠ BẢN CỦA CÁC NHÀ TRIẾT HỌC DUY VẬT TRƯỚC MÁC VỀ TÔN GIÁO	7
1.2. QUAN ĐIỂM CỦA CHỦ NGHĨA MÁC VỀ TÔN GIÁO	10
1.2.1. Về bản chất của tôn giáo	10
1.2.2. Về nguồn gốc của tôn giáo.....	11
1.3. SỰ PHÁT TRIỂN CỦA V.I. LÊNIN VỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN TRONG CHÍNH SÁCH TÔN GIÁO CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC XÔVIẾT	20
1.3.1. Tình hình tôn giáo ở nước Nga trước và sau Cách mạng tháng Mười.....	20
1.3.2. V.I. Lênin khẳng định sự đúng đắn của quan điểm Mácxít về bản chất và nguồn gốc của tôn giáo.....	21
1.3.3. Về những nguyên tắc của Lênin trong việc giải quyết vấn đề tôn giáo.....	23
KẾT LUẬN CHƯƠNG 1.....	30
CHƯƠNG 2. TÌNH HÌNH TÔN GIÁO VÀ CHÍNH SÁCH TÔN GIÁO CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC VIỆT NAM	31

2.1. TÌNH HÌNH TÔN GIÁO Ở NƯỚC TA	31
2.1.1. Đặc điểm tôn giáo ở nước ta	31
2.1.2. Tình hình các tôn giáo lớn ở nước ta	35
2.1.3. Một số tôn giáo mới ra đời.....	43
2.2. QUAN ĐIỂM VÀ CHÍNH SÁCH CỦA ĐẢNG TA VỀ TÔN GIÁO....	45
2.2.1. Quan điểm	45
2.2.2. Chính sách.....	51
KẾT LUẬN CHƯƠNG 2.....	58
CHƯƠNG 3. VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG CỦA V.I. LÊNIN TRONG	
VIỆC HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH TÔN GIÁO CỦA ĐẢNG VÀ	
NHÀ NƯỚC VIỆT NAM HIỆN NAY	59
3.1. SỰ CẦN THIẾT CỦA VIỆC PHÁT TRIỂN VÀ VẬN DỤNG SÁNG	
TẠO TƯ TƯỞNG LÊNIN TRONG VIỆC HOÀN THIỆN QUAN ĐIỂM	
VÀ CHÍNH SÁCH TÔN GIÁO CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC TA HIỆN	
NAY	60
3.2. HOÀN THIỆN HỆ THỐNG LUẬT PHÁP VỀ TÔN GIÁO	63
3.3. TĂNG CƯỜNG ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH	
PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO CÁC TÔN GIÁO .	68
3.4. CHỐNG LẠI CÁC ÂM MƯU LỢI DỤNG TÔN GIÁO CỦA CÁC	
THẾ LỰC THÙ ĐỊCH.....	72
3.5. MỞ RỘNG CÁC HOẠT ĐỘNG ĐỐI NGOẠI TRONG LĨNH VỰC	
TÔN GIÁO.....	77
KẾT LUẬN CHƯƠNG 3.....	81
KẾT LUẬN	82
TÀI LIỆU THAM KHẢO	84
QUYẾT ĐỊNH GIAO ĐỀ TÀI LUẬN VĂN THẠC SĨ (BẢN SAO).	

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Từ bao đời nay, tôn giáo luôn là vấn đề phức tạp và nhạy cảm. Thực tiễn lịch sử ở nhiều khu vực và nhiều quốc gia trên thế giới đã cho chúng ta thấy rằng, không có gì gắn kết con người với nhau chặt chẽ như tôn giáo, nhưng cũng không có gì gây chia rẽ, phân ly và hận thù một cách đáng sợ như tôn giáo.

Ngày nay tín ngưỡng, tôn giáo đang là vấn đề sôi động trong mỗi nước và trên toàn thế giới, các thế lực thù địch với chủ nghĩa xã hội và độc lập dân tộc đang tiếp tục thực hiện lợi dụng về vấn đề tôn giáo để tác động và can thiệp vào công việc nội bộ của các nước, phục vụ các ý đồ chính trị đen tối của chúng.

Trong quá trình tồn tại và phát triển, nhất là sự phát triển về mặt kinh tế con người ngày càng có nhiều nhu cầu cần được đáp ứng trong đó thì nhu cầu về tín ngưỡng tôn giáo vẫn là một nhu cầu tinh thần của bộ phận lớn các tầng lớp nhân dân.

Thực tế trong quá trình xây dựng đất nước và giữ nước của dân tộc, Đảng và Nhà nước ta luôn lấy tinh thần tự do tín ngưỡng, tôn giáo làm kim chỉ nam để đưa ra các chính sách tôn giáo phù hợp “Công dân Việt Nam có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo theo hoặc không theo một tôn giáo nào”[11]. Các tôn giáo ở Việt Nam được hoạt động tự do trong khuôn khổ của Hiến pháp và pháp luật Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Các tôn giáo ở Việt Nam được Nhà nước khuyến khích tham gia các hoạt động giáo dục, từ thiện, nhân đạo theo sự hướng dẫn của các cơ quan chuyên môn. Các tổ chức cá nhân tôn giáo cũng được tạo điều kiện thuận lợi để giao lưu quốc tế, được đi đào tạo ở nước ngoài. Đã có rất nhiều các tổ chức tôn giáo quốc tế vào Việt Nam giao lưu với các tổ chức tôn giáo Việt Nam mà không bị cản trở gì.

Ở nước ta đang tồn tại nhiều hình thức tín ngưỡng, tôn giáo, ngoài những đóng góp tích cực vào việc phát triển văn hóa tinh thần của đất nước, xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, còn có xu hướng phát triển theo hướng tiêu cực. Tình trạng tuyên truyền đạo trái phép, nhiều tà giáo mới xuất hiện, hiện tượng mê tín dị đoan đang có chiều hướng gia tăng. Một số người trong các tôn giáo đang có ý định liên kết với nhau, thực hiện “liên tôn” chống cộng. Lợi dụng chính sách tôn giáo của Nhà nước ta nhiều tổ chức phản động núp dưới vỏ bọc là các tổ chức tôn giáo xuyên tạc các chủ trương của Đảng kích động quần chúng nhân dân tổ chức nhiều cuộc biểu tình và có hành động chống phá Nhà nước Việt Nam.

Trong việc thực hiện quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin và chính sách của Đảng đối với vấn đề tôn giáo, do trình độ hiểu biết của cán bộ thực hiện còn hạn chế nên trong quá khứ để xảy ra những sai lầm, cứng nhắc, tà khuynh; hiện nay thì lại có những biểu hiện hữu khuynh mất cảnh giác. Do đó, việc nhận thức và giải quyết đúng đắn vấn đề tôn giáo là yêu cầu cấp bách của sự nghiệp đổi mới ở nước ta, nó đòi hỏi phải nghiên cứu kỹ những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin và những biến động thực tiễn ở nước ta về vấn đề tôn giáo. Lý luận về tôn giáo do C. Mác và Ph. Ăngghen nghiên cứu trên tinh thần duy vật biện chứng đã được V.I. Lênin phát triển và vận dụng một cách sáng tạo trong chính sách của Đảng và Nhà nước Xôviết. Chính vì vậy mà tôi chọn đề tài “Quan điểm của V.I. Lênin về vấn đề tôn giáo với việc thực hiện chính sách tôn giáo của Nhà nước Việt Nam hiện nay” làm đề tài luận văn thạc sĩ triết học của mình.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

- Mục đích

Trên cơ sở nghiên cứu quan điểm của V.I. Lênin về vấn đề tôn giáo và thực trạng vấn đề tín ngưỡng, tôn giáo ở nước ta, Luận văn đề xuất một số

biện pháp nhằm góp phần thực hiện tốt hơn nữa chính sách tôn giáo của Nhà nước Việt Nam hiện nay.

- Nhiệm vụ

Để đạt được mục đích trên, luận văn phải thực hiện những nhiệm vụ sau:

- Phân tích làm rõ quan điểm của chủ nghĩa Mác nói chung và quan điểm của V.I. Lênin nói riêng về vấn đề tôn giáo

- Tìm hiểu tình hình tôn giáo ở nước ta và việc thực hiện chính sách tôn giáo của Nhà nước Việt Nam hiện nay

- Qua đó, đề xuất thêm một số biện pháp nhằm góp phần hoàn thiện chính sách tôn giáo của Nhà nước Việt Nam hiện nay

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- Quan điểm của V.I. Lênin về vấn đề tôn giáo trong các tác phẩm của Lênin trước và sau Cách mạng tháng Mười và chính sách tôn giáo được thực hiện trong cách mạng tháng Mười.

- Tình hình các tôn giáo ở nước ta, thái độ các tôn giáo lớn đối với chủ nghĩa xã hội. Các tôn giáo mới ra đời trong những năm gần đây.

- Chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước Việt Nam, quá trình phát triển, những thành quả và những mặt còn hạn chế cần phải tiếp tục hoàn thiện hơn nữa.

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

- *Cơ sở lý luận*: Luận văn dựa trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và các quan điểm về tôn giáo của Đảng Cộng sản Việt Nam các Nghị định văn bản của Chính phủ về tôn giáo để phân tích những vấn đề đặt ra.

- *Phương pháp nghiên cứu*: Luận văn sử dụng các phương pháp của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử, trong đó đặc biệt chú trọng phương pháp phân tích và tổng hợp, kết hợp lịch sử với logic.

5. Cấu trúc của luận văn

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận và Danh mục tài liệu tham khảo, Luận văn có 3 chương bao gồm 10 tiết.

6. Tổng quan tài liệu nghiên cứu

Từ trước đến nay ở nước ta có nhiều công trình nghiên cứu liên quan đến vấn đề tôn giáo ở nhiều khía cạnh khác nhau.

Trước hết phải kể đến những sách của Viện Nghiên cứu tôn giáo đã xuất bản, như “*Về tín ngưỡng ở Việt Nam hiện nay*”, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1996; “*Những vấn đề lý luận và thực tiễn tôn giáo ở Việt Nam*”, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1998; “*Lý luận về tôn giáo và tình hình tôn giáo ở Việt Nam*”, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2003, do GS. Đặng Nghiêm Vạn chủ biên; “*Lý luận về tôn giáo và chính sách tôn giáo ở Việt Nam*” của Nguyễn Đức Lữ, Nxb Tôn giáo, 2007.

Ngoài ra còn có nhiều sách khác nghiên cứu về tôn giáo, như : “*Tôn giáo thế giới và Việt Nam*” của Mai Thanh Hải, Nxb Công an nhân dân, 1998; “*Quan điểm của C. Mác - Ph. Ăngghen - V.I. Lênin - Hồ Chí Minh về tôn giáo và sự vận dụng của Đảng Cộng Sản Việt Nam*” của Hồ Trọng Hoài, Nguyễn Thị Nga, Nxb Chính trị quốc gia, 2006; “*Một số tôn giáo ở Việt Nam*” của Nguyễn Thanh Xuân, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, 2007; “*C. Mác - Ph. Ăngghen về vấn đề tôn giáo*” do Nguyễn Đức Sự (chủ biên), Nxb Khoa học xã hội, (1999); “*Mác, Ăngghen, Lênin bàn về tôn giáo và chủ nghĩa vô thần*” do Trần Khang và Lê Cự Lộc dịch, Nxb Chính trị quốc gia, 2001; “*Tôn giáo trong mối quan hệ văn hoá và phát triển ở Việt Nam*” của Nguyễn Hồng Dương, Nxb Khoa học xã hội, 2004.

Một số tác giả lấy đề tài tôn giáo và chủ nghĩa vô thần làm đề tài nghiên cứu khoa học hoặc luận văn, luận án của mình. Đó là đề tài “*Nghiên cứu về chủ nghĩa vô thần ở phương Tây hiện đại nhằm phục vụ cho việc giảng dạy các môn khoa học Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và các môn khác có liên quan*” của PGS.TS. Nguyễn Tấn Hùng, Đề tài NCKH cấp Bộ, Mã số: B2004-14-29, Đại học Đà Nẵng, 2005; đề tài “*Đời sống tôn giáo của tín đồ đạo Cao Đài trong bối cảnh văn hóa Nam Bộ*”, luận án tiến sĩ của Huỳnh Ngọc Thu, Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Đại học quốc gia TP Hồ Chí Minh. 2010, v.v..

Tham gia nghiên cứu về tôn giáo, ngoài các công trình xuất bản thành sách như nói trên còn có nhiều bài báo đăng trên các tạp chí Khoa học: “*Tôn giáo và hiện thực - một số những vấn đề đặt ra hiện nay*” của Nguyễn Chí Mỹ (Tạp chí Triết học, số 2-1998); “*Lutvích Phoiơbắc bàn về tôn giáo*” của Nguyễn Hoài Sanh (Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo, số 3, 2000); “*Quan điểm của C. Mác – Ph. Ăngghen về lao động bị tha hoá và sự tha hoá của tôn giáo*” của Trương Hải Cường (Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo, số 6, 2001); “*V.I. Lênin bảo vệ và phát triển tư tưởng của C. Mác và Ph. Ăngghen về tôn giáo*” của Lê Đại Nghĩa (Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo, số 2, 2002); “*Từ quan điểm duy vật lịch sử của C. Mác xem xét vấn đề tôn giáo ở nước ta*” của Ngô Hữu Thảo (Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo, số 4, 2004); “*Quá trình đổi mới nhận thức về vấn đề tôn giáo và việc hoàn thiện chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước ta trong thời kỳ đổi mới*” của Trần Thanh Giang (Tạp chí Triết học, số 9, 2008).

Những công trình nói trên đã đề cập nhiều khía cạnh quan trọng của các yếu tố về tôn giáo và tìm hiểu tư tưởng của các nhà kinh điển, quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam về tôn giáo. Việc nghiên cứu, tìm hiểu tôn giáo cũng như tôn giáo ở Việt Nam cũng đã được chọn làm đề tài

của một số luận văn, luận án tiến sĩ Triết học, trong đó các tác giả lấy chủ nghĩa vô thần Mác-xít làm cơ sở lý luận, phương pháp luận của mình. Tuy nhiên, chưa có công trình đi sâu nghiên cứu một cách hệ thống quan điểm của V.I. Lênin về tôn giáo, nhất là sự vận dụng sáng tạo của Người trong điều kiện nước Nga sau Cách mạng tháng Mười và liên hệ với việc thực hiện chính sách tôn giáo của Nhà nước Việt Nam để rút ra những bài học kinh nghiệm và những điểm cần bổ sung để hoàn thiện.

CHƯƠNG 1

QUAN ĐIỂM CỦA V.I. LÊNIN VỀ VẤN ĐỀ TÔN GIÁO

V.I. Lênin đã phát triển về mặt lý luận và vận dụng sáng tạo quan điểm của chủ nghĩa Mác về vấn đề tôn giáo vào điều kiện cụ thể của nước Nga sau Cách mạng tháng Mười, đề ra những chính sách đúng đắn đối với vấn đề tôn giáo. Ngoài ra, Lênin còn kế thừa quan điểm của các nhà triết học duy vật trước Mác, nhất là các nhà triết học Pháp thế kỷ XVIII. Chính Lênin đã từng căn dặn cần phải dịch các tác phẩm vô thần của họ để phổ biến cho quần chúng nhân dân. Do đó, để có thể hiểu một cách sâu sắc quan điểm và chính sách tôn giáo của Lênin, trước hết chúng ta cần phải khái quát một số quan điểm cơ bản của các nhà triết học trước Mác và sau đó cần hệ thống hóa quan điểm của chủ nghĩa Mác về vấn đề này.

1.1. MỘT SỐ QUAN ĐIỂM CƠ BẢN CỦA CÁC NHÀ TRIẾT HỌC DUY VẬT TRƯỚC MÁC VỀ TÔN GIÁO

Ngay từ thời cổ đại, bên cạnh những quan điểm triết học duy tâm hữu thần, cũng đã xuất hiện nhiều quan điểm ít nhiều duy vật vô thần phủ nhận một phần hay toàn bộ niềm tin vào thần thánh, Thượng đế.

Ở Ấn Độ có trường phái Charvaka (hay Lokayata) phủ nhận sự tồn tại của Brahman (linh hồn vũ trụ tối cao) và linh hồn cá thể bất tử Atman, chế nhạo quan niệm tôn giáo về sự giải thoát và mưu cầu hạnh phúc ở kiếp sau. Ở Trung Quốc cổ đại, Tuân Tử được coi là nhà triết học duy vật vô thần xuất sắc. Ông phủ nhận niềm tin vào “Mệnh Trời”, số mệnh và những biểu hiện mê tín dị đoan, khuyến khích nỗ lực chủ quan của con người trong sản xuất, giữ gìn sức khỏe. Ở Hy Lạp, tư tưởng duy vật vô thần có thể tìm thấy trong thuyết nguyên tử của Đê-môcrit, Ê-pi-quy-a. Đặc biệt, Ê-pi-quy-a đã đưa ra lập luận về sự tồn tại thực tế của điều ác trong thế giới để luận chứng cho sự phi lý của quan niệm về sự tồn tại của một vị Thượng đế toàn năng, toàn đức.

Ở phương Tây trong thế kỷ XVIII, cùng với sự phát triển của khoa học và chủ nghĩa duy vật, một số nhà triết học duy vật, nhất là các nhà triết học trong nhóm Bách khoa toàn thư Pháp, như Montesquieu, La Mettrie, Rousseau, Diderot, Holbach, v.v., đã chứng minh về mặt lý luận cho quan điểm vô thần của họ.

Tác phẩm “Hệ thống của tự nhiên” (La système de la nature) của Baron d'Holbach (1723 - 1789) được coi là “Kinh vô thần” đã vạch ra nguồn gốc và tương lai của tôn giáo. Trong tác phẩm này Holbach đã thực sự đóng góp cho lý luận triết học vô thần ở mấy điểm sau;

- Vũ trụ là vật chất tồn tại khách quan cùng với với thuộc tính gắn liền với vật chất là vận động; vật chất và vận động là không có khởi đầu và kết thúc, qua đó Holbach bác bỏ quan niệm phi lý về “sự sáng tạo từ hư vô” của Thượng đế.

- Với luận điểm “Con người là sản phẩm của tự nhiên”, Holbach bác bỏ quan niệm tôn giáo về sự sáng tạo của Thượng đế và tội tổ tông của con người.

- Với luận điểm “Sự đốt nát dẽ ra các vị thần”, Holbach luận chứng cho nguồn gốc nhận thức của tôn giáo. Đồng thời Holbach cũng có đề cập đến một số khía cạnh về nguồn gốc xã hội của tôn giáo nhưng chưa được sâu sắc.

- Holbach dự kiến trong tương lai, sự phát triển đầy đủ của khoa học sẽ loại bỏ được niềm tin vào sự tồn tại của thần thánh [17, 434-438].

Đặc biệt tác phẩm của Feuerbach “Bản chất của Kitô giáo” đã có ảnh hưởng lớn đến quan điểm duy vật, vô thần của Mác và Ăngghen lúc bấy giờ và Lênin sau này. Trong “Ludwig Feuerbach và sự cáo chung của triết học cổ điển Đức”, Ph. Ăngghen viết:

Giữa lúc ấy, tác phẩm của Feuerbach “Bản chất của đạo Cơ đốc” ra đời. Tác phẩm này đã giáng một đòn phá tan ngay những mâu thuẫn nói trên, đưa một cách không úp mở chủ nghĩa duy vật trở lại ngôi vua. Tự nhiên tồn tại độc lập đối với mọi triết học. Nó là cơ sở trên đó con người chúng ta - bản thân chúng ta cũng là sản phẩm của tự nhiên - đã sinh trưởng. Ngoài tự nhiên và con người ra, không còn có gì nữa cả, và những tạo vật cao siêu do trí tưởng tượng tôn giáo của chúng ta nặn ra, chỉ là những phản ánh hư ảo của chính thực thể của chúng ta thôi.[31, 401].

L. Feuerbach kế thừa các quan điểm duy vật thế kỷ XVIII khi cho rằng con người sáng tạo ra tôn giáo, chứ không phải ngược lại. Chính điều này được chủ nghĩa Mác - Lênin lấy làm điểm xuất phát trong việc xem xét nguồn gốc của tôn giáo. Chính Mác đã khẳng định điều này trong Lời nói đầu “Góp phần phê phán triết học pháp quyền của Hêghen”. Mác viết: “Căn cứ của sự phê phán chống tôn giáo là: *con người sáng tạo ra tôn giáo*, chứ tôn giáo không sáng tạo ra con người.” [29, 589].

L. Feuerbach chỉ ra sự tha hóa của con người trong ý thức tôn giáo. Con người đã đánh mất bản chất của chính mình trong lòng tin tôn giáo. Con người vốn có đầu óc sáng tạo, bản chất lương thiện, nhưng trong niềm tin tôn giáo con người đã đem bản chất tốt đẹp đó của mình gán cho thần thánh và coi mình là một sinh vật *bất lực, xấu xa, tội lỗi*; chỉ có thần thánh, Thượng đế mới là *toàn năng, toàn thiện, toàn mỹ*.

Theo Feuerbach, ý thức tôn giáo chính là *sự tha hóa của con người trong tự ý thức về chính mình*. Điều này đã được chủ nghĩa Mác-Lênin kế thừa trong quan điểm tôn giáo của mình. C. Mác cũng đã khẳng định điều này trong Lời nói đầu *Góp phần phê phán triết học pháp quyền của Hêghen*: “Cụ thể là: tôn giáo là sự tự ý thức và sự tự cảm giác của con người chưa tìm thấy

bản thân mình hoặc đã lại đánh mất bản thân mình một lần nữa.” [29, 569 - 570] và trong *Bản thảo kinh tế - triết học 1844*: “Trong tôn giáo, tình hình cũng hoàn toàn giống như vậy. Con người hiến cho thần thánh càng nhiều, thì cái còn lại trong bản thân con người càng ít.” [32, 251-252].

1.2. QUAN ĐIỂM CỦA CHỦ NGHĨA MÁC VỀ TÔN GIÁO

1.2.1. Về bản chất của tôn giáo

Chủ nghĩa Mác-Lênin, xem xét tôn giáo ở hai khía cạnh: Một là, *ý thức tôn giáo* bao gồm giáo lý, niềm tin; hai là, *thiết chế tôn giáo* bao gồm tổ chức, giáo hội, v.v...

Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác, tôn giáo là một hiện tượng xã hội đa dạng, phức tạp gắn liền với những lĩnh vực khác nhau trong đời sống con người; là một hình thái ý thức xã hội do con người sáng tạo ra. Tôn giáo là sự sáng tạo, nó phản ánh hư ảo, ảo tưởng, sự tưởng tượng, là thế giới quan lộn ngược của con người với những sức mạnh bên ngoài chi phối họ.

Tôn giáo vừa là một hình thái ý thức xã hội vừa là một thiết chế xã hội. Song xét về bản chất, tôn giáo là một hình thái ý thức xã hội đặc biệt, nó phản ánh một cách hoang đường, hư ảo, lệch lạc hiện thực khách quan vào đầu óc con người. Tôn giáo là một nhu cầu của xã hội trong một giai đoạn lịch sử nhất định. Nó không chỉ là việc đạo, nó còn là việc đời.

Tôn giáo là một hình thái ý thức xã hội của con người, nhưng lại là một hình thái có nhiều quan niệm phức tạp về cả nội dung cũng như hình thức biểu hiện. Về mặt nội dung, nội dung cơ bản của tôn giáo là niềm tin (hay tín ngưỡng) tác động lên các cá nhân, các cộng đồng. Tôn giáo thường đưa ra các giá trị có tính tuyệt đối làm mục đích cho con người vươn tới cuộc sống tốt đẹp và nội dung ấy được thể hiện bằng những nghi thức, những sự kiêng kỵ...

Rất khó đưa ra được một định nghĩa về tôn giáo có thể bao hàm mọi quan niệm của con người về tôn giáo nhưng có thể thấy rõ rằng khi nói đến

tôn giáo là nói đến mối quan hệ giữa hai thế giới thực và hư, của hai tính thiêng và tục và giữa chúng không có sự tách bạch [48]. Tóm lại đã nói đến tôn giáo thì dù được hiểu theo nghĩa nào cũng bàn đến vấn đề hai thế giới “thế giới hiện hữu và thế giới phi hiện hữu, thế giới của người sống và thế giới sau khi chết, thế giới của các vật thể vô hình.” [48, 69].

Trong tác phẩm “Chống Duyrinh”, Ph. Ăngghen đã có một nhận xét giúp chúng ta thấy rõ bản chất của ý thức tôn giáo như sau:

“Tất cả mọi tôn giáo chẳng qua chỉ là sự phản ánh hư ảo – vào trong đầu óc của con người – của những lực lượng bên ngoài chi phối cuộc sống của họ, chỉ là sự phản ánh trong đó những lực lượng trần thế đã mang hình thức những lực lượng siêu trần thế.” [30, 437].

1.2.2. Về nguồn gốc của tôn giáo

Tôn giáo là một sản phẩm của lịch sử. Trong các tác phẩm của mình, C. Mác đã khẳng định: “Con người sáng tạo ra tôn giáo chứ tôn giáo không sáng tạo ra con người.” [29, 569].

Bàn về nguồn gốc của tôn giáo là một trong những vấn đề quan trọng nhất của tôn giáo học Mácxít. Nhờ vạch ra được nguyên nhân xuất hiện và tồn tại của hiện tượng nào đó mà sự giải thích nó mới mang tính khoa học. Đối với hiện tượng tôn giáo cũng vậy. V. I. Lênin đã gọi toàn bộ những nguyên nhân và điều kiện tất yếu làm nảy sinh niềm tin tôn giáo là những nguồn gốc của tôn giáo.

Chủ nghĩa Mác cho rằng tôn giáo ra đời có 3 nguồn gốc cơ bản:

- Thứ nhất: *nguồn gốc nhận thức*

Để giải thích nguồn gốc nhận thức của tôn giáo cần phải làm rõ lịch sử nhận thức và các đặc điểm của quá trình nhận thức dẫn đến việc hình thành quan niệm tôn giáo.

Trước hết, lịch sử nhận thức của con người là một quá trình từ thấp đến cao, trong đó giai đoạn thấp là giai đoạn nhận thức tự nhiên cảm tính. Ở giai đoạn nhận thức này (nhất là đối với cảm giác và tri giác), con người chưa thể sáng tạo ra tôn giáo, bởi vì tôn giáo với tư cách là ý thức, là niềm tin bao giờ cũng gắn với cái siêu nhiên, thần thánh, mà nhận thức trực quan cảm tính thì chưa thể tạo ra cái siêu nhiên thần thánh được. Như vậy, tôn giáo chỉ có thể ra đời khi con người đã đạt tới một trình độ nhận thức nhất định. Thần thánh, cái siêu nhiên, thế giới bên kia... là sản phẩm của những biểu tượng, sự trừu tượng hoá, sự khái quát dưới dạng hư ảo có nghĩa là tôn giáo chỉ có thể ra đời ở một trình độ nhận thức nhất định, đồng thời nó phải gắn với sự tự ý thức của con người về bản thân mình trong mối quan hệ với thế giới bên ngoài. Khi chưa biết tự ý thức, con người cũng chưa nhận thức được sự bất lực của mình trước sức mạnh của thế giới bên ngoài, nên con người chưa có nhu cầu sáng tạo ra tôn giáo để bù đắp cho sự bất lực ấy.

Với lý luận nhận thức của Lênin : *“Từ trực quan sinh động đến tư duy trừu tượng, rồi từ tư duy trừu tượng đến thực tiễn - đó là con đường biện chứng của quá trình nhận thức chân lý, của sự nhận thức thực tại khách quan”* [24, 179], ta thấy rằng, tôn giáo là kết quả của sự phản ánh của thế giới tự nhiên vào bộ não con người một cách sai lầm, là một sự phản ánh không toàn diện thế giới khách quan, khiến con người hiểu sai hoặc hiểu không đúng các hiện tượng trong tự nhiên. Cùng với những hạn chế mang tính chất thời đại bắt nguồn từ một nền khoa học còn rất thô sơ, mang nặng tính cảm tính, những phản ánh không đúng đắn này của nhận thức đã tạo nên những rào cản giữa con người và sự thật khách quan của thế giới tự nhiên, dẫn đến việc con người không thể trả lời được các câu hỏi về tự nhiên bí ẩn cuối cùng khiến con người phải tìm đến tôn giáo.

Nguồn gốc nhận thức của tôn giáo gắn liền với đặc điểm của quá trình nhận thức. Đó là một quá trình phức tạp và mâu thuẫn, nó là sự thống nhất một cách biện chứng giữa nội dung khách quan và hình thức chủ quan. Những hình thức phản ánh thế giới hiện thực càng đa dạng, phong phú bao nhiêu thì con người càng có khả năng nhận thức thế giới xung quanh sâu sắc và đầy đủ bấy nhiêu. Nhưng mỗi một hình thức mới của sự phản ánh không những tạo ra những khả năng mới để nhận thức thế giới sâu sắc hơn mà còn tạo ra khả năng “xa rời” hiện thực, phản ánh sai lầm nó. Thực chất nguồn gốc nhận thức của tôn giáo cũng như của mọi ý thức sai lầm chính là sự tuyệt đối hóa, sự cường điệu mặt chủ thể của nhận thức con người, biến nó thành cái không còn nội dung khách quan, không còn cơ sở “thế gian”, nghĩa là cái siêu nhiên thần thánh.

Tôn giáo đã nảy sinh trong xã hội mà trình độ sản xuất hết sức thấp kém, con người hầu như phụ thuộc hoàn toàn vào tự nhiên, bất lực trước những hiện tượng tự nhiên không thể giải thích được, dẫn đến sự bất lực, bằng cách giải thích là có một lực lượng siêu nhiên có sức mạnh ghê gớm ở bên ngoài con người, đang chi phối con người. Vì vậy, tôn giáo lúc đầu là đa thần, tôn giáo gắn liền với đặc điểm nhận thức.

- Thứ hai: Nguồn gốc kinh tế - xã hội

Nguồn gốc kinh tế - xã hội của tôn giáo là toàn bộ những nguyên nhân và điều kiện khách quan của đời sống xã hội tất yếu làm nảy sinh và tái hiện những niềm tin tôn giáo. Trong đó một số nguyên nhân và điều kiện gắn với mối quan hệ giữa con người với tự nhiên, một số khác gắn với mối quan hệ giữa con người với con người

Mối quan hệ giữa con người với tự nhiên: tôn giáo học Mác-xít cho rằng sự bất lực của con người trong cuộc đấu tranh với tự nhiên là một nguồn gốc xã hội của tôn giáo. Như chúng ta đã biết, mối quan hệ của con người với tự

nhiên thực hiện thông qua những phương tiện và công cụ lao động mà con người có. Những công cụ và phương tiện càng kém phát triển bao nhiêu thì con người càng yếu đuối trước giới tự nhiên bấy nhiêu và những lực lượng tự nhiên càng thống trị con người mạnh bấy nhiêu. Sự bất lực của con người nguyên thủy trong cuộc đấu tranh với giới tự nhiên là do sự hạn chế, sự yếu kém của các phương tiện tác động thực tế của họ vào thế giới xung quanh. Khi không đủ phương tiện, công cụ để đảm bảo kết quả, mong muốn trong lao động, người nguyên thủy đã tìm đến phương tiện tưởng tượng hư ảo, nghĩa là tìm đến tôn giáo.

Ph. Ăngghen nhấn mạnh rằng tôn giáo trong xã hội nguyên thủy xuất hiện do kết quả phát triển thấp của trình độ lực lượng sản xuất. Trình độ thấp của sự phát triển sản xuất đã làm cho con người không có khả năng nắm được một cách thực tiễn các lực lượng tự nhiên. Thế giới bao quanh người nguyên thủy đã trở thành cái thù địch, bí hiểm, hùng hậu đối với họ. Chúng ta cần thấy rằng, sự thống trị của tự nhiên đối với con người không phải được quyết định bởi những thuộc tính và quy luật của giới tự nhiên, mà quyết định bởi tính chất mối quan hệ của con người với tự nhiên, nghĩa là bởi sự phát triển kém của lực lượng sản xuất xã hội, mà trước hết là công cụ lao động.

Như vậy, không phải bản thân giới tự nhiên sinh ra tôn giáo, mà là mối quan hệ đặc thù của con người với giới tự nhiên, do trình độ sản xuất quyết định. Đây là một nguồn gốc xã hội của tôn giáo.

Nhờ hoàn thiện những phương tiện lao động và toàn bộ hệ thống sản xuất vật chất mà con người ngày càng nắm được lực lượng tự nhiên nhiều hơn, càng ít phụ thuộc một cách mù quáng vào nó, do đó dần dần khắc phục được một trong những nguồn gốc quan trọng của tôn giáo.

Nguồn gốc xã hội của tôn giáo còn bao gồm cả phạm vi các mối quan hệ giữa con người với nhau, nghĩa là bao gồm các mối quan hệ xã hội, trong đó

có hai yếu tố giữ vai trò quyết định là tính tự phát của sự phát triển xã hội và ách áp bức giai cấp cùng chế độ người bóc lột người.

Trong tất cả các hình thái kinh tế - xã hội trước chủ nghĩa xã hội, những mối quan hệ xã hội đã phát triển một cách tự phát. Những quy luật phát triển của xã hội biểu hiện như là những lực lượng mù quáng, trói buộc con người và ảnh hưởng quyết định đến số phận của họ. Những lực lượng đó trong ý thức con người được thần thánh hoá và mang hình thức của những lực lượng siêu nhiên. Đây là một trong những nguồn gốc xã hội chủ yếu của tôn giáo.

Trong các xã hội có đối kháng giai cấp, sự áp bức giai cấp, chế độ bóc lột là một nhân tố quan trọng làm nảy sinh tôn giáo. Người nô lệ, nông dân, người vô sản mất tự do không phải chỉ là sự tác động của lực lượng xã hội mù quáng mà họ không thể kiểm soát được, mà còn bị bản cùng cả về mặt kinh tế, bị áp bức cả về mặt chính trị, bị tước đoạt những phương tiện và khả năng phát triển tinh thần. Quần chúng không thể tìm ra lối thoát hiện thực khỏi sự kìm kẹp và áp bức trên trái đất, nhưng họ đã tìm ra lối thoát đó ở trên trời, ở thế giới bên kia.

- Thứ ba: Nguồn gốc tâm lý, tình cảm

Con người tìm đến tôn giáo như tìm đến niềm an ủi, chỗ dựa tinh thần, tôn giáo có tác dụng giữ trạng thái thăng bằng, tâm tư, tình cảm của con người. Vì thế tôn giáo chỉ là hạnh phúc hư ảo, song người ta vẫn cần đến nó.

Ngay từ thời cổ đại, các nhà duy vật đã nghiên cứu đến ảnh hưởng của yếu tố tâm lý (tâm trạng, xúc cảm) đến sự ra đời của tôn giáo. Họ đã đưa ra luận điểm “Sự sợ hãi sinh ra thần thánh”.

Các nhà duy vật cận đại đã phát triển tư tưởng của các nhà duy vật cổ đại - đặc biệt là L. Phoiơbắc – và cho rằng nguồn gốc đó không chỉ bao gồm những tình cảm tiêu cực (sự lệ thuộc, sợ hãi, không thoả mãn, đau khổ, cô đơn...) mà cả những tình cảm tích cực (niềm vui, sự thoả mãn, tình yêu, sự

kính trọng...), không chỉ tình cảm, mà cả những điều mong muốn, ước vọng, nhu cầu khắc phục những tình cảm tiêu cực, muốn được đền bù hư ảo.

Các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác – Lênin đã giải quyết vấn đề nguồn gốc tâm lý của tôn giáo khác về nguyên tắc so với các nhà duy vật trước đó. Nếu như các nhà duy vật trước Mác gán nguyên nhân xuất hiện tôn giáo với sự sợ hãi trước lực lượng tự nhiên thì chủ nghĩa Mác lần đầu tiên vạch được nguồn gốc xã hội của sự sợ hãi đó.

Tôn giáo là một phạm trù có tính lịch sử, nghĩa là nó ra đời và tồn tại trong một giai đoạn lịch sử nhất định, là một hình thái ý thức xã hội. Đặc điểm quan trọng trong ý thức tôn giáo là một mặt nó phản ánh tồn tại xã hội. Mặt khác, nó lại có xu hướng phản kháng lại xã hội đã sản sinh ra và nuôi dưỡng nó. Vì vậy, từ khi ra đời đến nay, cùng với sự biến đổi của lịch sử, tôn giáo cũng biến đổi theo.

Với những thành tựu to lớn của ngành khảo cổ học, người ta đã chứng minh được sự tồn tại của con người cách đây hàng triệu năm (từ 4 – 6 triệu năm). Tuy nhiên, với những hiện vật thu được người ta khẳng định: có đến hàng triệu năm con người không hề biết đến tôn giáo. Bởi vì tôn giáo đòi hỏi tương ứng với nó là một trình độ nhận thức cao, nó là sản phẩm của tư duy trừu tượng trong một đời sống xã hội ổn định.

Hầu hết trong giới khoa học đều thống nhất rằng chỉ khi con người hiện đại – người khôn ngoan (Homo Sapiens) – hình thành và tổ chức thành xã hội, tôn giáo mới xuất hiện. Thời kỳ này cách đây khoảng 95.000 – 35.000 năm. Tuy nhiên trong thời kỳ đầu mới chỉ là các tín hiệu đầu tiên. Đa số các nhà khoa học đều khẳng định tôn giáo ra đời khoảng 45.000 năm trước đây với những hình thức tôn giáo sơ khai như đạo Vật tổ (Tôtem), Ma thuật và Tang lễ... đây là thời kỳ tương ứng với thời kỳ đồ đá cũ.

Bước sang thời kỳ đồ đá giữa, con người chuyển dần từ săn bắt, hái lượm sang trồng trọt và chăn nuôi, các hình thức tôn giáo dân tộc ra đời với sự thiêng liêng hóa các nguồn lợi của con người trong sản xuất và cuộc sống: thần Lúa, thần Khoai, thần Sông... hoặc tôn thờ các biểu tượng của sự sinh sôi (thờ giống cái, hình ảnh phụ nữ, phồn thực...), đó là các vị thần của các thị tộc mẫu hệ. Khi đồ sắt xuất hiện, các quốc gia dân tộc ra đời nhằm mục đích phục vụ cho sự củng cố và phát triển của dân tộc. Tất cả các vị thần ấy còn tồn tại chừng nào dân tộc tạo ra vị thần ấy còn tồn tại và khi dân tộc tiêu vong, các vị thần ấy không còn nữa.

Trong thời kỳ văn minh nông nghiệp, nhiều đế chế ra đời và thôn tính vào mình nhiều quốc gia. Do nhu cầu một tôn giáo của đế chế, những tôn giáo như Phật, Nho, Kitô, Hồi... đã xuất hiện từ trước trở thành tôn giáo của đế chế và được chấp nhận như một tôn giáo chính thống. Theo thời gian, do nội dung của các tôn giáo mang tính phổ quát, không gắn chặt với một quốc gia cụ thể, với các vị thần cụ thể, với nghi thức cụ thể của một cộng đồng tộc người, dân tộc hay địa phương nhất định nên sự bành trướng của nó diễn ra thuận lợi, dễ dàng thích nghi với các dân tộc khác.

Do vậy, dù được phổ biến bằng cách nào (chiến tranh hay hòa bình), các tôn giáo đó đã được các quốc gia bị lệ thuộc trực tiếp hay gián tiếp, tự giác hay không tự giác tiếp nhận và trên nền tảng của tôn giáo truyền thống, biến đổi thành tôn giáo riêng của quốc gia đó. Sự bành trướng kiểu như vậy diễn ra trong suốt thời kỳ văn minh công nghiệp và cho đến tận ngày nay. Tuy nhiên cũng cần phải chú ý rằng, giữa tôn giáo khu vực hay tôn giáo thế giới vừa chung sống cạnh nhau, vừa tranh chấp xung đột nhau và không ít trường hợp, với sự ủng hộ của các thế lực quân sự, chính trị, chiến tranh tôn giáo đã xảy ra. Những tôn giáo như Kitô, Hồi do tính cực đoan của mình (chỉ coi chúa hay thánh của mình là đối tượng tôn thờ duy nhất) nên ban đầu đi đến đâu cũng

khó chung sống với các tôn giáo khác đã có mặt ở đó từ trước. Còn một số tôn giáo phương Đông như Phật giáo, Đạo giáo thì khác, chúng chấp nhận hòa đồng với các tôn giáo bản địa, có xu hướng trần tục nhiều hơn là thế giới bên kia.

Cuộc cách mạng công nghiệp đã tạo ra một xã hội công nghiệp, xã hội này đòi hỏi phải có một tôn giáo năng động và tự do hơn, khó chấp nhận một tổ chức, một giáo lý với những nghi thức cứng nhắc, phức tạp. Tình trạng độc tôn của một tôn giáo trong một quốc gia đã bắt đầu chấm dứt và chấp nhận sự đa dạng trong đời sống tôn giáo. Từ đây quan niệm và sau là chính sách tự do tôn giáo ra đời, phát triển nhanh hay chậm và thể hiện khác nhau ở các quốc gia khác nhau. Những yếu tố lỗi thời được hủy bỏ hoặc tự thay đổi, thay thế để thích nghi. Với xu thế quốc tế hóa ngày càng gia tăng, việc mỗi cá nhân chỉ biết đến tôn giáo của mình đã trở nên lạc hậu. Mỗi người đều rằng trên thế gian có nhiều thánh thần, có nhiều tôn giáo. Họ bắt đầu hoài nghi và lựa chọn, thần thánh được mang ra tranh luận, bàn cãi và làm nảy sinh xu thế thế tục hóa tôn giáo và xu thế này ngày càng thắng thế.

Thời đại ngày nay, khi mà xu thế toàn cầu hóa đang chi phối mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, sự nâng cao về trình độ học vấn và đặc biệt là những thành tựu của khoa học và công nghệ đã làm cho các tôn giáo ngày càng trở nên thế tục hóa kéo theo sự đa dạng trong đời sống tôn giáo. Từ đây xuất hiện các ý kiến khác nhau trong một tôn giáo và dẫn đến sự chia rẽ trong các tôn giáo một cách có tổ chức, bùng nổ các giáo phái và xuất hiện nhiều tôn giáo mới. Bản thân trong các tôn giáo khu vực và thế giới cũng có những biểu hiện khác trước: số tín đồ ngày càng tăng nhưng số tín đồ thực tế giảm, nghĩa là người ta theo đạo nhưng không hành đạo, nhiều tín đồ bỏ đạo để theo các “đạo mới”. Trong nội bộ các tôn giáo có sự chia rẽ thành những giáo phái với những tính chất cấp tiến, ôn hòa hoặc cực đoan.

Tôn giáo là một phạm trù không chỉ có tính lịch sử mà còn có tính xã hội rất rõ. Trong tác phẩm “Góp phần phê phán Triết học pháp quyền của Hêghen”, Mác viết:

Sự nghèo nàn của tôn giáo vừa là biểu hiện của sự nghèo nàn hiện thực, vừa là sự phản kháng chống sự nghèo nàn hiện thực ấy. Tôn giáo là tiếng thở dài của chúng sinh bị áp bức, là trái tim của thế giới không có trái tim, cũng giống như nó là tinh thần của những trật tự không có tinh thần. Tôn giáo là thuốc phiện của nhân dân.[29, 570].

Nhận định này đã toát lên đầy đủ tính xã hội của tôn giáo, tôn giáo giống như một liều thuốc an thần xoa dịu những nỗi đau của con người. "*Tôn giáo là thuốc phiện của nhân dân* "

Tôn giáo có tính giai cấp và tính quần chúng rất rõ, cụ thể là:

Những lực lượng thuộc tầng lớp trên của xã hội, họ có địa vị, có tiền của và có tri thức hơn, biết lợi dụng tôn giáo để bảo vệ và củng cố quyền lợi của mình, đồng thời cũng không ngừng tác động làm tôn giáo ngày càng phát triển và hoàn thiện hơn. Những kinh sách và những tín điều tôn giáo chỉ có thể được hoàn thiện và lưu truyền dưới dạng văn bản bởi những cá nhân thuộc tầng lớp trên trong xã hội. Do đó, cả hai nguyên nhân chủ quan lẫn khách quan mà tư tưởng của tầng lớp này dần trở thành nền tảng chủ yếu cho các tôn giáo. Một sự kiện quan trọng có thể lấy làm minh chứng cho sự tác động của tầng lớp quý tộc tới tôn giáo, đó chính là sự kiện “Công đồng Nicea”; Hoàng đế La mã là Constantine đã triệu tập hội nghị tất cả các giám mục Kitô giáo tại Nicea (Hy - Lạp) năm 325 để biên soạn bộ Kinh Thánh Tân Ước như chúng ta thấy ngày nay, mà mục đích chính là để thống nhất các chi nhánh của Kitô giáo, đưa tôn giáo này trở thành công cụ để mê hoặc nhân dân, củng cố quyền lực của bản thân hoàng đế [56].

Tôn giáo thâm nhập vào quần chúng nhân dân là nơi sinh hoạt văn hoá tinh thần, là nơi thể hiện khát vọng xây dựng một xã hội tốt đẹp hơn và lôi kéo một bộ phận không nhỏ nhân dân vào các tôn giáo, biến tôn giáo thành đức tin, lối sống và lễ sống của một bộ phận dân cư, trở thành nhu cầu giải phóng, nhu cầu hạnh phúc của một số người. Ngoài ra tôn giáo còn có tính phản khoa học, do bản chất hoang đường, hư ảo của tôn giáo quy định.

1.3. SỰ PHÁT TRIỂN CỦA V.I. LÊNIN VỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN TRONG CHÍNH SÁCH TÔN GIÁO CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC XÔVIẾT

1.3.1. Tình hình tôn giáo ở nước Nga trước và sau Cách mạng tháng Mười

Trong chế độ Nga hoàng, Kitô giáo, nhất là Chính thống giáo giữ vị trí quốc giáo. Chính thống giáo là công cụ để nô dịch kìm kẹp tinh thần quần chúng. Các phái phản động cố gắng làm cho tôn giáo hoạt động sôi nổi hẳn lên, hòng thông qua tuyên truyền tôn giáo để lôi kéo quần chúng nhân dân ra khỏi cuộc đấu tranh cách mạng, sử dụng tư tưởng tôn giáo để củng cố chế độ Nga hoàng.

V.I. Lênin nêu rõ: “Khắp nơi bọn tư sản phản động đã chú trọng và ở nước ta hiện nay chúng cũng bắt đầu chú trọng kêu lên những thù hằn tôn giáo, để cho quần chúng chú ý về phía đó, khiến cho họ không để ý đến vấn đề chính trị và kinh tế thật sự quan trọng và chủ yếu.” [22, 174 - 175].

Trước tình hình đó, Lênin ý thức rất rõ thái độ của Đảng đối với tôn giáo là vấn đề cực kỳ quan trọng và bức thiết. Để tập hợp lực lượng, thực hiện cuộc đấu tranh cách mạng, cần phải thống nhất tư tưởng của Mác và Ăngghen về tôn giáo trong Đảng Dân chủ - Xã hội và trong phong trào công nhân. Vấn đề khẳng định quan điểm của chủ nghĩa Mác bản chất của tôn giáo, thái độ của Đảng Mácxit đối với tôn giáo thường xuyên giữ một vị trí quan trọng trong

tác phẩm của Lênin. Sau Cách mạng tháng Mười, bọn phản động lợi dụng vấn đề tôn giáo để chống lại Nhà nước Xôviết. Lênin đã căn cứ vào tình hình cụ thể ở nước Nga sau Cách mạng tháng Mười để đề ra chính sách tôn giáo thích hợp nhằm vận động quần chúng có đạo đi theo chủ nghĩa xã hội và chống lại âm mưu chia rẽ các thế lực thù địch.

1.3.2. V.I. Lênin khẳng định sự đúng đắn của quan điểm Mácxít về bản chất và nguồn gốc của tôn giáo

V.I. Lênin đã kế thừa và phát triển chủ nghĩa Mác trong điều kiện mới cũng như ứng dụng nó vào thực tiễn làm cho chủ nghĩa xã hội lần đầu tiên trở thành hiện thực trong xã hội loài người, là người có nhiều đóng góp cho lý luận Mácxít khi phê phán tôn giáo.

Trong thời gian trước Cách mạng tháng Mười, V.I. Lênin dành nhiều thời gian để phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác một cách toàn diện về mặt lý luận, trong đó có lý luận về tôn giáo. Đó là giai đoạn chủ nghĩa tư bản đang chuyển sang giai đoạn phát triển đế quốc chủ nghĩa, vấn đề giành chính quyền được đặt ra trực tiếp.

Lênin có nhiều bài viết về tôn giáo. Tháng 12 năm 1905, Người viết: “Chủ nghĩa xã hội và tôn giáo”, đăng trên báo Đời sống mới, trong đó các tư tưởng cơ bản của chủ nghĩa Mác về nguồn gốc, bản chất của tôn giáo, thái độ của giai cấp vô sản đối với tôn giáo, lập trường phương pháp giải quyết vấn đề tôn giáo được Lênin đề cập rõ ràng, chi tiết. Đến tháng 5 năm 1909, Người viết “Về thái độ của Đảng công nhân đối với tôn giáo” đăng trên báo Người vô sản. Tháng 6 năm 1909, Người viết “Thái độ của giai cấp và của các đảng phái đối với tôn giáo và giáo hội” đăng trên báo Người dân chủ - Xã hội, để tỏ rõ thái độ của mình đối với tôn giáo. Trong các bài viết này Lênin tiếp tục làm rõ tư tưởng của chủ nghĩa Mác về tôn giáo. Và trong quá trình

truyền bá đó, Lênin đã làm sâu sắc thêm và cụ thể hóa nhiều vấn đề mà C. Mác và Ph. Ăngghen chưa có điều kiện nghiên cứu.

Trong “Về thái độ của đảng công nhân đối với vấn đề tôn giáo”, V.I. Lênin khẳng định quan điểm chủ nghĩa Mác về bản chất của tôn giáo:

Tôn giáo là thuốc phiện đối với nhân dân, - câu nói đó của Mác là hòn đá tảng của toàn bộ quan điểm của chủ nghĩa Mác trong vấn đề tôn giáo. Chủ nghĩa Mác bao giờ cũng coi tôn giáo và các giáo hội, tất cả các tổ chức tôn giáo hiện có, đều là những cơ quan của thế lực phản động tư sản, dùng để bảo vệ chế độ bóc lột và đầu độc giai cấp công nhân. [23, 511].

Lênin đã nhiều lần nói về nguồn gốc của tôn giáo về phương diện xã hội và về phương diện nhận thức. Lênin cho rằng khả năng xuất hiện tôn giáo và chủ nghĩa duy tâm nằm trong phép biện chứng của quá trình nhận thức, nhận thức phát triển theo đường xoáy ốc, đường ngoằn ngoèo, bất cứ sự đơn giản, phiến diện, xơ cứng thẳng tuột nào đều có thể dẫn đến chủ nghĩa duy tâm và tôn giáo.

Nhận thức của con người là cả một quá trình, từ trực quan sinh động đến tư duy trừu tượng. Quá trình đó bao hàm trong nó khả năng có thể xa rời thực tế. Vì vậy, chủ nghĩa duy tâm chi tuyệt đối hoá, thổi phồng quá một mặt, một thuộc tính của sự vật mà thôi. Việc phát hiện ra khả năng này sinh những quan niệm duy tâm tôn giáo ngay trong biện chứng của quá trình nhận thức là một đóng góp mới của Lênin vào phương pháp Mácxít trong khi nghiên cứu vấn đề tôn giáo.

Bên cạnh, nguồn gốc nhận thức như đã trình bày, về nguồn gốc xã hội của tôn giáo, Lênin nhấn mạnh:

Trong các nước tư bản chủ nghĩa hiện nay, những nguồn gốc ấy của tôn giáo chủ yếu là nguồn gốc xã hội. Sự áp bức đối với quần chúng

lao động về mặt xã hội, tình trạng có vẻ hoàn toàn bất lực của họ trước những thế lực mù quáng của chủ nghĩa tư bản đang hàng ngày hàng giờ gây ra cho những người lao động bình thường những nỗi thống khổ cực kỳ ghê gớm, những đau thương thật là khủng khiếp, nhiều gấp nghìn lần so với những biến cố phi thường như chiến tranh, động đất đó là nguồn gốc sâu xa nhất hiện nay của tôn giáo [21, 515].

Lênin khẳng định tôn giáo là công cụ của giai cấp thống trị nhằm nô dịch quần chúng về mặt tinh thần và tư tưởng:

Sự bất lực của giai cấp bị bóc lột trong cuộc đấu tranh chống bọn bóc lột tất nhiên đẻ ra lòng tin vào một cuộc đời tốt đẹp hơn ở thế giới bên kia, cũng giống y như sự bất lực của người đã man trong cuộc đấu tranh chống thiên nhiên đẻ ra lòng tin vào thần thánh, ma quỷ, vào những phép mầu, v.v..”. “Tôn giáo là thuốc phiện của nhân dân. Tôn giáo là thứ rượu tinh thần, làm cho những người nô lệ của tư bản mất phẩm cách con người và quên mất hết những điều họ đòi hỏi để được sống một cuộc đời đôi chút xứng đáng với con người.[22, 169 - 170].

1.3.3. Về những nguyên tắc của Lênin trong việc giải quyết vấn đề tôn giáo

- Tôn giáo là một vấn đề phức tạp, còn tồn tại lâu dài kể trong chủ nghĩa xã hội, do đó giải quyết vấn đề tôn giáo phải hết sức thận trọng, không để gây chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc.

Tôn giáo là một thực thể xã hội mà sự tồn tại vừa có tính khách quan, vừa có tính chủ quan. Tôn giáo luôn gắn liền với đời sống văn hóa, chính trị xã hội của một nước, là nhu cầu tinh thần của đại bộ phận nhân dân. C. Mác đã viết:

“Ngay trong một nước mà giải phóng chính trị đã hoàn thành, tôn giáo không những vẫn tồn tại mà còn biểu hiện sức sống và sức mạnh, thì điều đó chứng tỏ rằng tồn tại của tôn giáo không mâu thuẫn với tính chất hoàn thiện của nhà nước.” [29, 532 – 533]

Kế thừa quan điểm của chủ nghĩa Mác luôn luôn coi tôn giáo là một hiện tượng xã hội phức tạp, tồn tại lâu dài, không thể giải quyết một sớm một chiều được. Giải quyết vấn đề tôn giáo phải hết sức thận trọng, không được gây chia rẽ, mất đoàn kết. Lênin nói:

Đấu tranh chống lại các thành kiến tôn giáo phải cực kỳ thận trọng; trong cuộc chiến đấu này, ai làm thương tổn đến tình cảm tôn giáo, người đó sẽ gây thiệt hại lớn. Cần phải đấu tranh bằng tuyên truyền, bằng giáo dục. Nếu hành động thô bạo, chúng ta sẽ làm cho quần chúng tức giận; hành động như vậy sẽ càng gây thêm chia rẽ trong quần chúng về vấn đề tôn giáo, mà sức mạnh của ta là ở sự đoàn kết.[25, 221]

- Giải quyết vấn đề tôn giáo phải gắn liền với cuộc đấu tranh giai cấp xóa bỏ áp bức, bất công và đau khổ của quần chúng

Vì vậy, theo Lênin, giải quyết vấn đề tôn giáo phải gắn liền với cuộc đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản, chứ không phải thuần túy tuyên truyền lý luận một cách trừu tượng. Đây là tư tưởng đáng lưu ý của Lênin về nguồn gốc xã hội của tôn giáo. Việc nhận ra nỗi thống khổ của áp bức xã hội gây ra cho loài người “những nỗi thống khổ cực kỳ ghê gớm, những đau thương thật là khủng khiếp” so với sự đe dọa của tự nhiên là tư tưởng rất nhân bản và sâu sắc của Lênin đã bổ sung vào nguồn gốc của tôn giáo.

Trong thời kỳ lãnh đạo cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười Nga, Lênin đặc biệt chú ý đến thái độ của người cộng sản đối với vấn đề tôn giáo. Ông cho rằng thái độ tuyên truyền chống tôn giáo một cách nông cạn,

thô thiển, ít gắn với khoa học tự nhiên và không đi sâu làm rõ cội rễ xã hội của tôn giáo sẽ không đem lại kết quả.

Lênin coi trọng việc dịch và phổ biến các sách báo vô thần. Ông coi sai lầm lớn nhất và tệ hại nhất mà một người Mácxít có thể mắc phải, tưởng rằng chỉ bằng giáo dục chủ nghĩa Mác là có thể làm cho quần chúng bừng tỉnh khỏi giấc mê tôn giáo, mà phải tuyên truyền chủ nghĩa vô thần bằng những việc lấy trong đời sống thực tế. V.I. Lênin cũng nhắc lại lời căn dặn của Ph. Ăngghen là “phải dịch trước các tác phẩm chiến đấu vô thần chủ nghĩa cuối thế kỷ XVIII, để truyền bá ra thật nhiều trong nhân dân”. Theo Lênin,

Điều cần thiết là phải cung cấp cho những quần chúng ấy đủ các thứ tài liệu tuyên truyền vô thần, giới thiệu cho họ những sự việc lấy trong mọi mặt sinh hoạt thực tế, dùng mọi cách để làm cho họ có hứng thú, kéo họ ra khỏi sự mê muội tôn giáo, thức tỉnh họ từ mọi phía và bằng đủ mọi phương pháp, v.v..[27, 31 - 32]

- Đối với Nhà nước, tôn giáo là công việc tư nhân, nhưng đối với Đảng vô sản, việc giải phóng con người khỏi áp bức tinh thần của tôn giáo là trách nhiệm của Đảng.

V.I. Lênin nói:

Tôn giáo phải được tuyên bố là một việc tư nhân, đó là câu nói mà người ta thường dùng để chỉ thái độ của những người xã hội chủ nghĩa đối với tôn giáo. Nhưng cần xác định rõ ý nghĩa của câu nói đó để khỏi gây ra mọi sự hiểu lầm... Nhà nước không dính đến tôn giáo, các đoàn thể tôn giáo không được dính đến chính quyền nhà nước.[22, 170 - 171].

Nhà nước *coi tôn giáo là công việc tư nhân*, nghĩa là: Nhà nước và giáo hội hoàn toàn tách rời nhau. Nhà nước là lĩnh vực “công”, còn tôn giáo là lĩnh vực “tư”. Nhà nước *không được coi bất cứ tôn giáo nào là quốc giáo*; tôn

giáo không được can thiệp vào công việc của nhà nước. Sự *tách tôn giáo ra khỏi nhà nước* là một bước tiến quan trọng do các cuộc cách mạng tư sản đem lại, như cách mạng Pháp, cách mạng Mỹ.

Tuy nhiên, Theo Lênin, mặc dù đối với nhà nước tôn giáo là công việc tư nhân, nhưng *đối với Đảng cộng sản, tôn giáo không phải thuần túy là công việc tư nhân*. Đảng phải có trách nhiệm đối với đồng bào có đạo, phải giáo dục, giải phóng họ, không được có thái độ thờ ơ để tôn giáo áp bức quần chúng, lôi kéo quần chúng chống lại chế độ xã hội chủ nghĩa. Lênin nói:

Đối với đảng của giai cấp vô sản xã hội chủ nghĩa, tôn giáo không phải là một việc tư nhân. Đảng ta là một tổ chức gồm những chiến sĩ tiên phong và giác ngộ đấu tranh giải phóng giai cấp công nhân. Một tổ chức như thế không thể và không được thờ ơ trước tình trạng thiếu giác ngộ, dốt nát hoặc mê muội mà biểu hiện là những tín ngưỡng tôn giáo.[22, 172].

Giải quyết vấn đề giai cấp là từng bước giải quyết nguồn gốc xã hội của tôn giáo. Người phê phán khuynh hướng hữu khuynh, cơ hội, thỏa hiệp với tôn giáo với vỏ bọc “tôn giáo là việc tư nhân” cả với Đảng của giai cấp công nhân, từ đó dẫn tới thái độ điều hòa với tôn giáo và giáo hội, làm hại đến cuộc đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản. Lênin nói:

Chúng ta đòi phải hoàn toàn tách giáo hội khỏi nhà nước, phải phá tan đám mây mù tôn giáo, bằng vũ khí thuần túy tư tưởng và chỉ thuần túy tư tưởng thôi, bằng báo chí của chúng ta, bằng lời nói của chúng ta... Đối với chúng ta, đấu tranh tư tưởng không phải là một việc tư nhân, mà là một việc của toàn đảng, của toàn thể giai cấp vô sản... Công tác tuyên truyền của chúng ta tất nhiên cũng phải bao gồm công tác tuyên truyền chủ nghĩa vô thần; công tác xuất bản

những sách báo khoa học thích hợp với công tác tuyên truyền đó.
[22, 172 - 173].

- Tôn trọng tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng của mọi công dân

Trong hoàn cảnh Đảng Dân chủ - Xã hội Nga đang tổ chức lực lượng để giành chính quyền, Nga hoàng và các thế lực phản động lợi dụng tôn giáo để chống lại. Lênin đã khẳng định quan điểm Mácxít về lập trường, phương pháp giải quyết vấn đề tôn giáo: Giai cấp vô sản tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng của quần chúng.

Trong bài “Chủ nghĩa xã hội và tôn giáo”, tháng 12 năm 1905, Lênin đã chỉ rõ:

Bất kỳ ai cũng được hoàn toàn tự do theo tôn giáo mà mình thích, hoặc không thừa nhận một tôn giáo nào, nghĩa là làm người vô thần, như bất cứ người xã hội chủ nghĩa nào cũng thường là người vô thần. Mọi sự phân biệt quyền lợi giữa những công dân có tín ngưỡng tôn giáo khác nhau hoàn toàn không thể dung thứ được. Trong các văn kiện chính thức tuyệt đối phải vứt bỏ thậm chí mọi sự nhắc nhở đến tôn giáo nào đó của công dân. Nhà nước không chi một khoản phụ cấp nào cho quốc giáo cũng như cho các đoàn thể giáo hội.[23, 515].

- Không được tuyên chiến với tôn giáo

V.I. Lênin căn dặn Đảng và Nhà nước vô sản không được tuyên chiến với tôn giáo: Đảng *không được có thái độ tá khuynh* như công khai đứng về phía chủ nghĩa vô thần, ghi vào trong cương lĩnh của mình việc thừa nhận chủ nghĩa vô thần và chống lại tôn giáo. Lênin nhắc lời Ăngghen coi việc tuyên chiến với tôn giáo là “dại dột” vì “tuyên chiến như thế là một phương pháp tốt nhất làm kích động thêm sự quan tâm của người ta đối với tôn giáo, và làm cho tôn giáo đi đến chỗ tiêu vong thực sự một cách khó khăn hơn.” [23, 511].

Các Đảng cộng sản cần xác định vị trí các vấn đề tôn giáo trong việc thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp vô sản, đoàn kết tập hợp quần chúng không phân biệt tín ngưỡng tôn giáo, không xúc phạm, không tuyên chiến với tôn giáo, vạch rõ việc lợi dụng tôn giáo của giai cấp thống trị và các thế lực thù địch, giáo dục vô thần từng bước giải phóng quần chúng ra khỏi ảnh hưởng của tôn giáo. Theo Lênin, cần phải tạo nên một cảnh cực lạc ngay trên trái đất. Đó là điểm mấu chốt để con người tự giải phóng mình khỏi sự trông chờ vào cuộc sống cực lạc ở thế giới bên kia. Việc giáo dục, tổ chức rèn luyện quần chúng trong cuộc đấu tranh để lật đổ chế độ áp bức, bóc lột, thủ tiêu tận gốc rễ xã hội của tôn giáo là rất quan trọng. Cần phải tuyên truyền chủ nghĩa vô thần trong quần chúng một cách sinh động, cụ thể, tôn trọng tín ngưỡng của quần chúng, không ngăn cản, cấm đoán bằng mệnh lệnh hành chính.

Lênin đã bước đầu hiện thực hóa tư tưởng của Mác và Ăngghen, giải quyết thành công vấn đề tôn giáo trong quá trình giành và giữ chính quyền Xôviết. Trong thời kỳ giành chính quyền, Lênin đã sớm tuyên truyền, đấu tranh, phát triển, bảo vệ tư tưởng của chủ nghĩa Mác về tôn giáo nhằm thống nhất tư tưởng trong Đảng Dân chủ - Xã hội Nga, từ đó tập hợp lực lượng cách mạng, vô hiệu hoá sự lợi dụng tôn giáo của kẻ thù, góp phần không nhỏ vào sự thành công của Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười Nga.

Trong “Dự thảo Cương lĩnh của Đảng Cộng sản (b) Nga, năm 1919, V.I. Lênin nhấn mạnh: nhiệm vụ của Đảng “không phải chi bó hẹp ở chỗ ban hành một sắc lệnh tách rời giáo hội ra khỏi nhà nước, tách rời trường học ra khỏi giáo hội”, mà phải “trừ bỏ triệt để những mối liên hệ giữa một bên là các giai cấp bóc lột, với một bên là tổ chức tuyên truyền tôn giáo là những mối liên hệ nhằm giữ quần chúng trong vòng ngu muội” và điều quan trọng là:

Phải kiên trì thực hiện việc giải phóng thực sự quần chúng lao động khỏi những thiên kiến tôn giáo, bằng cách tuyên truyền và nâng cao giác ngộ của quần chúng, đồng thời hết sức chú ý tránh không xúc

phạm gì đến tình cảm của các tín đồ trong quần chúng và tránh làm tăng thêm lòng cuồng tín tôn giáo. [26, 117-118].

- Thực hiện liên minh giữa Đảng với các nhà khoa học duy vật

Mục đích của cuộc liên minh này là một mặt để tăng thêm sức mạnh của Đảng trong việc đấu tranh chống sự lấn bước của tôn giáo, mặt khác để cung cấp cho các nhà khoa học một cơ sở thế giới quan duy vật đúng đắn, không để tôn giáo lợi dụng họ.

V.I. Lênin nói, để giải phóng cho quần chúng khỏi sự mê hoặc của tôn giáo, theo Lênin, Đảng cộng sản cần phải “liên minh với những người duy vật chủ nghĩa triệt để, không ở trong Đảng cộng sản” và

Một điều không kém quan trọng hơn đối với sự nghiệp mà chủ nghĩa duy vật chiến đấu sẽ phải làm tròn, đó là sự liên minh với những đại biểu của các ngành khoa học tự nhiên hiện đại đang ngả về chủ nghĩa duy vật, có can đảm bảo vệ và truyền bá chủ nghĩa này chống những khuynh hướng triết học duy tâm chủ nghĩa và hoài nghi chủ nghĩa là những khuynh hướng đang thịnh hành trong cái mà người ta gọi là “giới có học thức.” [27, 34].

Liên minh giữa Đảng Cộng sản với các nhà triết học duy vật và các nhà khoa học tự nhiên còn có vai trò giúp cho các nhà khoa học tự nhiên thoát khỏi sự lấn bước của chủ nghĩa duy tâm và tôn giáo, bởi vì như Lênin nói:

Nếu không có một cơ sở triết học vững vàng thì tuyệt nhiên không có khoa học tự nhiên nào hay chủ nghĩa duy vật nào có thể tiến hành đấu tranh chống được sự lấn bước của những tư tưởng tư sản và sự phục hồi của thế giới quan tư sản. Muốn tiến hành được cuộc đấu tranh ấy và đưa nó đến thành công hoàn toàn, nhà khoa học tự nhiên phải là một nhà duy vật hiện đại, một đồ đệ tự giác của chủ nghĩa duy vật mà Mác là người đại diện, nghĩa là nhà khoa học tự nhiên ấy phải là một nhà duy vật biện chứng.[27, 35].

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Tóm lại, chúng ta có thể thấy ở C.Mác, Ph.Ăngghen và VI.Lênin, việc nghiên cứu vấn đề tôn giáo là một bộ phận trong quá trình hình thành và phát triển chủ nghĩa duy vật lịch sử, chủ nghĩa xã hội khoa học và cũng là một bộ phận trong chiến lược, chính sách đấu tranh cách mạng của giai cấp vô sản. C.Mác đã vạch ra nguồn gốc xã hội và nguồn gốc nhận thức trên cơ sở phê phán tôn giáo ngay từ điều kiện xã hội hiện thực của nó nhằm cải tạo xã hội bằng cách mạng, làm mất dần đi sự phản ánh hư ảo của tôn giáo về thế giới hiện thực.

V.I. Lênin đã phát triển quan điểm đó về lý luận và thực tiễn trong chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước Xôviết

V.I. Lênin đề cập đến vấn đề tôn giáo trong điều kiện của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa đã diễn ra trong hiện thực, việc bảo vệ quan điểm của chủ nghĩa Mác về tôn giáo đặt ra cấp bách gắn liền với bảo vệ thành quả cách mạng. Vì vậy, trong tư tưởng của Lênin, tính chiến đấu, tính phê phán đặc biệt quyết liệt. Đóng góp mới của ông là nghiên cứu sâu thêm nguồn gốc nhận thức của tôn giáo, Ông cũng là người đề cập nhiều đến vấn đề chiến lược, sách lược của Đảng công nhân trong cuộc đấu tranh giải phóng nhân loại khỏi ý thức tôn giáo. Và phát triển chủ nghĩa vô thần làm cho chủ nghĩa vô thần và chủ nghĩa duy vật biện chứng giành được thắng lợi trên mặt trận tư tưởng khi Đảng của giai cấp công nhân đã ở vị trí cầm quyền.

CHƯƠNG 2

TÌNH HÌNH TÔN GIÁO VÀ CHÍNH SÁCH TÔN GIÁO CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

2.1. TÌNH HÌNH TÔN GIÁO Ở NƯỚC TA

2.1.1. Đặc điểm tôn giáo ở nước ta

Trải qua hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước, các thế hệ con người Việt Nam đã xây đắp một đất nước hoàn chỉnh, có một lịch sử vẻ vang với nền văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc. Tôn giáo là hiện tượng văn hóa – xã hội của cộng đồng dân cư mang những bản sắc xuất xứ đồng thời có sức truyền bá, hòa nhập, đan xen giữa các cộng đồng khác nhau “bức tranh tôn giáo ở Việt Nam hôm nay mang nhiều màu sắc đa dạng và phức tạp” [9,137].

Việt Nam là quốc gia có nhiều loại hình tín ngưỡng, tôn giáo, nằm ở khu vực Đông Nam Á có ba mặt giáp biển, Việt Nam rất thuận lợi trong mối giao lưu với các nước trên thế giới và cũng là nơi rất dễ cho việc thâm nhập các luồng văn hoá, các tôn giáo trên thế giới. Các tôn giáo ngoại nhập dù có mang những dấu vết của nguồn gốc xa xưa thì vẫn nổi rõ sắc thái dân tộc mang đậm tính cách Việt Nam.

Có nhiều quan điểm khác nhau giữa các nhà nghiên cứu tôn giáo về việc người Việt có tâm linh tôn giáo hay không nhưng không ai có thể phủ nhận những đặc điểm cơ bản của tôn giáo Việt Nam cụ thể như sau:

Là quốc gia đa dân tộc với 54 dân tộc anh em. Mỗi dân tộc đều lưu giữ những hình thức tín ngưỡng, tôn giáo riêng của mình. Người Việt có các hình thức tín ngưỡng dân gian như thờ cúng ông bà tổ tiên, thờ Thành hoàng, thờ những người có công với cộng đồng, dân tộc, thờ thần, thờ thánh, nhất là tục thờ Mẫu của cư dân nông nghiệp lúa nước. Đồng bào các dân tộc thiểu số với

hình thức tín ngưỡng nguyên thủy (còn gọi là tín ngưỡng sơ khai) như Tô tem giáo, Bái vật giáo, Sa man giáo.

Người Việt không có quốc giáo theo nghĩa là một tôn giáo độc thần với một thể chế và giáo lý chặt chẽ, nên phần nào các tôn giáo ngoại nhập cũng có thể dễ dàng bén rễ và phát triển mà không sợ gặp phải mà những rào cản và sự kháng cự nào của một quốc giáo độc thần. Người Việt rất dễ tin, dễ mê tín, ưa huyền bí. Vì vậy có thể nói rằng, Việt Nam là đất “dưỡng” các nhà lập giáo và tôn giáo. Một nhà tôn giáo học người Pháp Fulie nhận xét rằng, người Việt có trái tim tôn giáo do đó đời sống tôn giáo của người Việt phong phú và dễ phát triển hơn so với Trung Quốc, Nhật Bản và các quốc gia khác ở phương Tây.

Ở Việt Nam có những tôn giáo có nguồn gốc từ phương Đông như *Phật giáo*, *Đạo giáo*, *Hồi giáo (Islam)*; có tôn giáo có nguồn gốc từ phương Tây như *Kitô giáo (gồm Công giáo, Tin lành)*; có tôn giáo được sinh ra tại Việt Nam như *Cao Đài*, *Phật giáo Hòa Hảo*; có tôn giáo hoàn chỉnh (có hệ thống giáo lý, giáo luật, lễ nghi và tổ chức giáo hội), ngoài ra còn có những hình thức tôn giáo sơ khai ở mức độ niềm tin không sâu.

Với sự đa dạng các loại hình tín ngưỡng, tôn giáo nói trên, người ta thường ví Việt Nam như bảo tàng tôn giáo của thế giới. Về khía cạnh văn hoá, sự đa dạng các loại hình tín ngưỡng tôn giáo đã góp phần làm cho nền văn hoá Việt Nam phong phú và đặc sắc. Tuy nhiên đó là những khó khăn đặt ra trong việc thực hiện chủ trương, chính sách đối với tôn giáo nói chung và đối với từng tôn giáo giáo cụ thể.

Nước ta có một bộ phận đồng bào dân tộc thiểu số theo các tôn giáo. Theo thống kê năm 1999, Việt Nam có 53 dân tộc thiểu số với khoảng trên dưới 10 triệu người, sống tập trung ở ba khu vực chính là Tây Bắc, Tây Nguyên và Tây Nam Bộ: Khu vực Tây Bắc có hơn 30 dân tộc thiểu số sinh

sống với khoảng gần 6 triệu người; Khu vực Tây Nguyên có 21 dân tộc thiểu số cư trú với hơn 1,5 triệu người. Sau này có thêm các dân tộc thiểu số ở các tỉnh miền núi phía Bắc vào Tây Nguyên sinh sống làm cho thành phần các dân tộc ở đây càng thêm đa dạng; Khu vực Nam Bộ nhất là các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long với ba dân tộc: Khome, Hoa và Chăm với số dân khoảng 1 triệu.

Về mặt văn hóa, tín ngưỡng, tôn giáo, đồng bào các dân tộc thiểu số ở ba khu vực nói trên có những nét riêng, độc đáo tạo nên nền văn hóa Việt Nam đa dạng. Hầu hết các dân tộc thiểu số vẫn giữ tín ngưỡng nguyên thủy thờ đa thần với quan niệm vạn vật hữu linh và thờ cúng theo phong tục tập quán truyền thống. Sau này, theo thời gian các tôn giáo dần dần thâm nhập vào những vùng đồng bào các dân tộc thiểu số hình thành các cộng đồng tôn giáo, cụ thể:

Đối với khu vực Tây Nam Bộ: Cộng đồng dân tộc Khome theo Phật giáo Nam tông. Hiện nay số tín đồ theo Phật giáo Nam tông Khơ me có khoảng hơn 1 triệu và một đội ngũ sư sãi khá đông đảo khoảng 10.000 vị [8].

Đối với khu vực Tây Nguyên: Nơi đây được xem là địa bàn trọng điểm phát triển bất bình thường của Tin Lành. “ Sau giải phóng, khu vực này chỉ có khoảng 60.000 đồng bào các dân tộc Thượng theo Tin Lành nhưng hiện nay có trên 421.000 người theo Tin Lành.” [8, 38].

Đối với khu vực miền núi phía Bắc, cộng đồng dân tộc thiểu số ở Tây Bắc một số theo Công giáo, Tin lành. Hiện nay có trên 110.000 nghìn người Mông theo đạo Tin lành dưới tên gọi Vàng Chứ và hơn 30 nghìn người Dao theo đạo Tin lành dưới tên gọi Thìn Hùng. Việt Nam là một quốc gia đa dân tộc và đa tín ngưỡng tôn giáo. “Hiện nay, ở nước ta có 13 tôn giáo lớn có tư cách pháp nhân” [8, 37] như: Phật giáo, Công giáo, Tin lành, Hồi giáo, Cao đài, Hòa Hảo, Tịnh độ cư sỹ Phật hội, Tứ ân Hiếu nghĩa... Theo thống kê của

Ban Tôn giáo Chính phủ, năm 2010 nước ta có 22.500.000 tín đồ, chiếm 26,20 % dân số cả nước. Ngoài ra còn hàng chục triệu người khác vẫn giữ tín ngưỡng dân gian, truyền thống và cả tín ngưỡng nguyên thủy [8].

Các tôn giáo, tín ngưỡng dung hợp, đan xen và hoà đồng, không có kỳ thị, tranh chấp và xung đột tôn giáo.

Người Việt có tinh thần khoan dung tôn giáo, sự khoan dung, độ lượng, nhân ái của dân tộc Việt Nam, nên người Việt Nam tiếp nhận các tôn giáo khác nhau một cách tự nhiên, miễn là nó không trái với lợi ích dân tộc – quốc gia và truyền thống văn hoá, tín ngưỡng cổ truyền. Tôn giáo ngoại nhập, muốn được tiếp nhận và bén rễ ở đất nước này, phải “Việt Nam hóa” đến mức không được trái chiều với phong tục tập quán cổ truyền, lại còn phải nhịp nhàng được với chiều hướng phát triển của cuộc sống” [9, 139].

Việt Nam là một xứ sở luôn có những thiên tai như lũ lụt, hạn hán nên cần có sự chia sẻ của người xung quanh, nên người Việt trọng tình nghĩa lân bang, láng giềng. Đây cũng chính là cơ sở tự nhiên cho sự hình thành đức khoan dung tôn giáo của người Việt. Trong hoạt động kinh tế của người Việt chủ yếu là nền nông nghiệp lúa nước, là một xã hội thuần nông, nền sản xuất chủ yếu lệ thuộc nhiều vào thiên nhiên, nên đòi hỏi con người phải dựa vào nhau mà sống, do đó tính tương thân, tương ái và khoan hòa rất cao. Nguyên tắc sống trọng tình và nhu cầu về một cuộc sống hòa thuận là cơ sở tâm lý cho sự hình thành đức khoan dung trong mọi mối quan hệ của người Việt, hình thành đặc điểm khoan dung tôn giáo của người Việt.

Sự phân bố tôn giáo ở nước ta có đặc điểm nổi bật là giáo dân của các tôn giáo thường sinh sống thành từng cộng đồng quy mô nhỏ, các cộng đồng tôn giáo khác nhau có thể sống xen kẽ nhau. Ở nhiều nơi, trong một làng, xã cũng có các nhóm tín đồ của các tôn giáo khác nhau sống đan xen, hoà hợp nhau, hoặc xen kẽ với những người không theo tôn giáo nào.

Các tôn giáo chính có ảnh hưởng lớn trong xã hội ta đều du nhập từ bên ngoài và có sự biến đổi và mang dấu ấn Việt Nam, sự pha trộn phức tạp giữa ý thức tôn giáo với tín ngưỡng truyền thống dân gian mà nổi bật nhất là phong tục thờ cúng tổ tiên, đã dung hợp với các tôn giáo, góp phần tạo nên đặc điểm tình cảm, tâm hồn, tính cách người Việt.

Thông qua việc trình bày một số đặc điểm tình hình tôn giáo Việt Nam có thể thấy phần nào bức tranh toàn cảnh về tôn giáo ở Việt Nam. Đó cũng chính là cơ sở thực tiễn để Đảng và Nhà nước ta hoạch định chủ trương, chính sách đối với tôn giáo ở tầm vĩ mô.

2.1.2. Tình hình các tôn giáo lớn ở nước ta

- Phật giáo

Phật giáo được truyền vào nước ta rất sớm (khoảng thế kỷ II) qua 2 con đường: đường thủy thông qua việc buôn bán với thương gia Ấn Độ và đường bộ qua sự giao lưu văn hoá với Trung Quốc.

Phật giáo ăn sâu, bám rễ vào Việt Nam từ rất sớm. Đến đời nhà Lý, nhà Trần, Phật giáo phát triển cực thịnh, được coi là quốc giáo, ảnh hưởng đến tất cả mọi vấn đề trong cuộc sống. Đến đời nhà Hậu Lê thì Nho giáo được coi là quốc giáo và Phật giáo đi vào giai đoạn suy thoái. Đến cuối thế kỷ XVIII, vua Quang Trung cố gắng chấn hưng đạo Phật, chinh đốn xây chùa, nhưng vì mất sớm nên việc này không có nhiều kết quả. Đến thế kỷ 20, mặc dù ảnh hưởng mạnh của quá trình Âu hóa, Phật giáo Việt Nam lại phát triển mạnh mẽ khởi đầu từ các đô thị miền Nam với các đóng góp quan trọng của các nhà sư Khánh Hòa và Thiện Chiếu

Giáo lý nhà Phật gần gũi tín ngưỡng, văn hoá Việt Nam nên được người Việt Nam dễ dàng chấp nhận, Nó ảnh hưởng sâu sắc đến con người và xã hội Việt Nam .

Phật giáo có số lượng tín đồ đông nhất khoảng 10 triệu, hơn 37.000 chức sắc và hơn 17.000 cơ sở thờ tự [8]. Đa số chức sắc, tín đồ Phật Giáo tiếp tục phát huy truyền thống yêu nước, gắn bó với dân tộc, thực hiện chủ trương, chính sách Nhà nước theo phương châm “Đạo pháp – dân tộc – chủ nghĩa xã hội”

Phật giáo Việt Nam là Phật giáo được bản địa hóa khi du nhập từ Ấn Độ vào Việt Nam, nên mang những đặc điểm khác biệt so với Phật giáo nguyên thủy và Phật giáo của các nơi khác trên thế giới.

Phật giáo Việt Nam mang đầy đủ các đặc điểm của đạo Phật nói chung. Nhưng khi truyền vào Việt Nam, Phật giáo đã hoà nhập, thích nghi và kết hợp với đời sống tâm linh, văn hoá của người dân Việt nên có những đặc điểm riêng biệt làm cho Phật giáo ở Việt Nam trở nên linh hoạt, phong phú với những đặc trưng như sau:

Phật giáo Việt Nam dung hợp các tín ngưỡng truyền thống của người Việt Nam: thờ cúng Tổ tiên, thờ Thần, thờ Mẫu, nhưng Phật giáo vẫn giữ vai trò chủ đạo để làm nên Đạo Phật Việt Nam. Điều này được thể hiện rất rõ việc bài trí tượng thờ trên chính điện chùa Phật giáo. Trong đó, chư vị Phật được tôn trí ở gian giữa là đại hùng bảo điện; chư vị thánh tổ của Lão giáo, Nho giáo, được an trí ở hai bên. Ngoài ra, còn tôn trí cả tượng của các vị Thiên hoàng Ngọc đế, Thập điện Diêm vương. Đặc biệt, trong khuôn viên thờ tự của chùa, nhất là các chùa ở vùng Bắc Bộ, luôn có phủ Mẫu (cũng gọi là điện Mẫu) thờ chư vị thánh Mẫu và đức thánh Cha (Trần Hưng Đạo hiển thánh). Nhiều trường hợp khác, trên gian phụ của chính điện chùa còn thờ các vị có công khai mở, trùng tu, tôn tạo chùa.

Là thành tố trong Tam giáo đồng nguyên: Phật giáo Việt Nam dung hợp cùng tinh thần Nho giáo, Lão giáo để trở thành "Tam giáo đồng nguyên" nhằm hộ trì quốc gia, dân tộc.

Phật giáo du nhập vào Việt Nam trở thành một tôn giáo gắn bó giữa đạo với đời, thể hiện tinh thần nhập thế. Phật giáo Việt Nam có truyền thống yêu nước, gắn bó với dân tộc, đồng hành trong những giai đoạn thăng trầm của đất nước, góp phần đấu tranh chống giặc ngoại xâm, bảo vệ Tổ quốc.

Trong Phật giáo Việt Nam đã ghi nhận hai trường hợp đặc biệt: Lý Công Uẩn – một vị sư xa pháp, xuất tu để ra đời làm bậc quân vương khai mở triều đại nhà Lý, và Trần Nhân Tông – một vị hoàng đế từ bỏ ngai vàng để vào núi ẩn tu trở thành một vị Tổ sư của Phật giáo đời Trần. Trong thời kỳ hội nhập, Phật giáo luôn chia sẻ những khó khăn, hỗ trợ những người gặp hoàn cảnh khốn khó, gặp thiên tai, địch họa chung tay cùng đất nước góp phần ổn định xã hội, xóa đói giảm nghèo và phát triển kinh tế xã hội.

Phật giáo Việt Nam có tinh thần đoàn kết, gắn bó nội bộ. Tuy có nhiều tông phái Phật giáo cùng tồn tại và phát triển, nhưng tất cả đều sinh hoạt trong một tổ chức chung là Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

Là thành tố tạo nên tính đặc trưng văn hóa: Văn hoá, đạo đức Phật giáo như quan điểm “ở hiền gặp lành”, “từ bi cứu khổ”, “tôn trọng con người”, “bình đẳng tâm, không phân biệt đẳng cấp, sang hèn”, “yêu chuộng hòa bình”... đã thấm đậm trong tâm tưởng mỗi con người Việt Nam qua các thế hệ. Nó đã góp phần tạo dựng nên nền văn hoá Việt Nam đậm đà bản sắc dân tộc, ở đó người ta không còn phân biệt đâu là đạo đức xã hội, đâu là đạo đức tôn giáo. “Đạo phật vào Việt Nam đã hơn một nghìn năm, đã qua nhiều thời kỳ biến động, lúc thịnh đạt, khi suy yếu, đã được cải biến không ít cả về nội dung giáo lý, niềm tin tôn giáo và hình thức tổ chức; nhờ đó, có thể nói, cho đến nay khá hòa nhập với đời sống tinh thần và nhu cầu tâm linh của đa số dân cư”. [9, 148].

- **Công giáo** (hay **Thiên Chúa giáo**)

Công giáo truyền vào Việt Nam vào thế kỷ XVI, do các giáo sĩ Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha và sau là Pháp.

Cách mạng 1945 là khúc ngoặt lớn trong giáo sử Việt Nam. Đến năm 1960, sau hơn bốn trăm năm theo đạo, người Công giáo mới được Tòa Thánh Roma cho phép lập hàng giáo phẩm, từ đây giáo hội Việt Nam mới được thừa nhận và được chia thành ba tổng giáo phận với ba tổng giám mục người Việt Nam [9].

Sau khi đất nước được giải phóng, Công giáo Việt Nam lần đầu tiên mới có người được phong tước Hồng y giáo chủ và lập Hội đồng Giám mục Việt Nam.

Hiện nay tên chính thức của tôn giáo này trong tiếng Việt là “Công giáo”, còn “Thiên chúa giáo” là cách gọi của người ngoài Công giáo. “Công giáo” xuất phát từ tiếng Latinh *Katholikos* (tiếng Anh = Catholic), có nghĩa là *phổ biến, phổ quát*. Khi đặt tên như vậy, giáo hội của nó muốn coi tôn giáo này là tôn giáo chung của nhân loại. Ngô Đình Diệm gọi tôn giáo của mình là “Công giáo” hàm ý muốn coi nó là quốc giáo.

Trước và sau năm 1975, một số lượng lớn giáo sĩ và tín đồ bỏ ra nước ngoài trong tâm trạng u uất, một số người tiếp tục ấp ủ tinh thần chống Cộng, cố gắng nhen nhóm hội đoàn này nọ, chạy theo ngọn cờ phục thù của những kẻ can tâm làm tay sai cho đế quốc. Sau một thời gian thì những sự thật trong nước đã giữ phần quyết định làm cho số người này ít đi và tinh thần chống Cộng cũng nguội đi rất nhiều.

Có thể nói, sau khi đất nước hoàn toàn độc lập, người Công giáo Việt Nam ngày càng hiểu rõ: “Công giáo chỉ có thể nêu cao đạo lý tốt đẹp của đạo mình khi thật sự nhịp bước với dân tộc, người có đạo thực hiện “tốt đời, đẹp đạo”, cùng nhau xây dựng cuộc sống mới công bằng, bác ái, văn minh, thật

lòng cùng nhau tôn trọng tự do tôn giáo, tín ngưỡng của mọi người.” [9, 158]. Tổng giám mục Nguyễn Văn Bình, đã nói trong dịp kỷ niệm hai mươi năm ngày giải phóng miền Nam về đường hướng mục vụ đúng đắn của giáo hội Công giáo Việt Nam là “sống phúc âm giữa lòng dân tộc để phục vụ hạnh phúc của đồng bào” [9].

Trong những năm gần đây, Công giáo nước ta có chiều hướng phát triển. Hiện nay có khoảng 6 triệu tín đồ Công giáo, hơn 3.000 linh mục, thể hiện cuộc sống theo phương châm “tốt đạo đẹp đời”, “kính chúa, yêu nước”.

Tuy nhiên, trong công giáo còn một số chức sắc chưa thể hiện rõ được ý thức công dân, không đặt lợi ích Công giáo trong lợi ích dân tộc, muốn hoạt động của giáo hội nằm ngoài sự quản lý của Nhà nước.

- Đạo Tin lành

Đạo Tin lành (tiếng Anh: *Protestant church*; protest có nghĩa là phản đối, vì tôn giáo này ra đời trong phong trào cải cách Kitô giáo thế kỷ XVI trên cơ sở phản đối những biểu hiện tiêu cực của Giáo hoàng và Nhà thờ Công giáo La Mã, nhiều tổ chức giáo hội đã tách ra thành những giáo hội riêng, độc lập với Công giáo) du nhập vào nước ta khoảng cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX do tổ chức Tin Lành “Liên hiệp Phúc âm và truyền giáo” (CMA) truyền vào. Năm 1911 tổ chức này đã xây dựng được cơ sở đầu tiên ở Đà Nẵng. Các Hội thánh tin lành lần lượt được xây dựng tại các địa phương. Năm 1927, Tổng Hội thánh Tin lành Việt Nam được thành lập. Đến năm 1930, một tổ chức thứ hai là Giáo hội Cơ đốc Phục lâm được truyền vào nước ta. Năm 1954 đạo Tin lành Việt Nam có khoảng 50.000 tín đồ với gần 100 mục sư truyền đạo trong Tổ chức Hội thánh Tin lành Việt Nam và một số nhỏ tín đồ, mục sư truyền đạo trong tổ chức Cơ đốc Phục lâm.

Sau năm 1954, đất nước bị chia cắt, đạo Tin lành ở hai miền Nam – Bắc có sự khác nhau: ở miền Bắc, do số đông tín đồ, giáo sĩ đã di cư vào miền

Nam và cơ quan Tổng liên hội cũng chuyển vào Sài Gòn nên năm 1955 các tín đồ, mục sư truyền đạo còn ở lại lập nên tổ chức Giáo hội riêng gọi là Tổng hội thánh Tin lành Việt Nam (gọi tắt là Hội thánh Tin lành Miền Bắc) còn tồn tại đến ngày nay với khoảng 10.000 tín đồ. Ở miền Nam, dưới thời Mỹ – Ngụy, Tổng hội Tin lành Việt Nam và các giáo phái nằm trong sự chỉ đạo của các thế lực nước ngoài, nhất là Mỹ. Trong thời gian chiến tranh đạo Tin lành phát triển rộng khắp và đặc biệt chú trọng đến địa bàn Trường Sơn, Tây Nguyên và thường liên quan đến các hoạt động chính trị. Thời kỳ này đạo Tin lành có khoảng 20 hệ phái và các hệ phái này thường tranh giành nhau tín đồ trong đó Tổng Liên hội Hội thánh Tin lành Việt Nam là phái lớn nhất [9].

Sau ngày miền Nam giải phóng, cùng với sự ra đi của các giáo sĩ nước ngoài và một bộ phận không nhỏ mục sư truyền đạo và tín đồ, đạo Tin lành giảm hoạt động. Một số giáo phái nhỏ hầu như không hoạt động.

Trong thời gian gần đây, cùng với trào lưu đổi mới Tổng Liên hội Tin lành đã hoạt động trở lại. Các hệ phái liên hệ với nhau, một số phái ra miền Bắc lợi dụng danh nghĩa hợp pháp của Tổng hội thánh Tin lành Việt Nam để truyền đạo. Đặc biệt đạo Tin lành chú trọng phục hồi và phát triển ở Tây Nguyên, truyền đạo ở các vùng núi phía Bắc trong các đồng bào dân tộc thiểu số với phương pháp truyền đạo khá đa dạng và linh hoạt. Ngoài việc truyền đạo trực tiếp, các Giáo hội Tin lành thường thông qua các hoạt động khoa học, văn hóa - xã hội, giáo dục, y tế, đầu tư kinh doanh... tranh thủ cảm tình của quần chúng để truyền đạo, thậm chí còn dùng cả các biện pháp mua chuộc, đe dọa và cưỡng ép vào đạo.

Những năm gần đây, một số thế lực phản động trong và ngoài nước đã bịa đặt ra cái gọi là Nhà nước Đêga độc lập và đạo Tin lành Đêga ở Tây Nguyên nhằm tuyên truyền kích động sự chia rẽ li khai... Đảng và Nhà nước ta đã kiên quyết bác bỏ cái gọi là “Nhà nước Đêga độc lập”, coi đây là âm

muu chia rẽ sự toàn vẹn lãnh thổ và gây mất an ninh của đất nước và khẳng định Việt Nam không có đạo Tin lành Đèga ngoài đạo Tin lành đã tồn tại nhiều năm qua ở nước ta.

Hiện nay số tín đồ theo đạo Tin Lành ở nước ta khoảng 1,4 triệu tín đồ, gần 200 mục sư [8].

- Hồi giáo

Đạo Hồi du nhập vào Việt Nam khoảng thế kỷ X –XIV bằng con đường hoà bình cùng với sự tan rã của quốc gia Chiêm Thành (Chămpa) và sự suy giảm dần của đạo Hindu, tôn giáo chính thống của người Chăm. Người theo đạo Hồi ở Việt Nam hầu hết là người dân tộc Chăm

Ở Việt Nam hình thành 2 khối Hồi Giáo với nhiều khác biệt đáng kể:

- Hồi Giáo vùng Ninh Thuận, Bình Thuận là Hồi Giáo không chính thống (Chăm Bani) đượm sắc thái của yếu tố sinh hoạt và tôn giáo bản địa.

- Hồi Giáo ở thành phố Hồ Chí Minh, An Giang, Đồng Nai, Tây Ninh (Chăm Ixlam) theo Hồi Giáo chính thống. Hai Hồi Giáo này không kì thị mà hòa hợp nhau. “Hiện nay ở nước ta chừng 94.000 tín đồ Hồi giáo thuộc tộc người Chăm với 454 các chức sắc và khoảng 90 thánh đường nằm rải rác ở vùng Hồi Chà và.” [8, 30].

- Đạo Cao Đài

Cao Đài là một tôn giáo rất trẻ, xuất hiện vào đầu thế kỷ XX (1926) tại Nam Bộ với chủ trương “qui nguyên tam giáo” (Phật – Lão - Nho).

Đạo Cao Đài là tên gọi tắt của một tôn giáo bản địa Việt Nam có tên đầy đủ là “Đại đạo Tam ki Phổ độ”, do Ngô Minh Chiêu sáng lập. “Là tôn giáo nội sinh lớn nhất nước với lịch sử ra đời và phát triển gần 100 năm có gần 2,5 triệu tín đồ, hơn 11.000 chức sắc và hơn 1.300 cơ sở thờ tự” [8].

Ngay những ngày đầu thành lập, tôn giáo này lôi cuốn ồ ạt hàng vạn người, sau đó trở thành một trong những tôn giáo lớn ở Việt Nam. Là một tôn

giáo địa phương nhưng Cao Đài có bộ máy hành chính đạo khá chặt chẽ và hoàn chỉnh như bộ máy Nhà nước từ Trung ương đến cơ sở.

Từ giữa thế kỷ XIX đến nay, không riêng gì ở Việt Nam, trên thế giới xuất hiện nhiều tôn giáo mới cùng với sự tiếp tục tồn tại các tôn giáo cũ, hàng loạt các giáo phái mới ra đời. Đại đạo Tam kỳ Phổ độ gọi tắt là đạo Cao Đài, một tôn giáo rất trẻ xuất hiện vào đầu thế kỷ XX trên mảnh đất Nam Bộ, đã tồn tại và phát triển được nhờ đáp ứng được những nhu cầu này, đã tìm ra được một lực thu hút, một cung cách thích hợp tâm linh tôn giáo của con người nông dân tứ xứ Nam Bộ.

Giáo lý đạo Cao Đài không có hệ thống các tín điều có chiều sâu dựa trên những cơ sở triết học, thần học như những tôn giáo khác: “giáo lý đạo Cao Đài không có chiều sâu triết học, không có hệ thống tín giáo lý như các tôn giáo khác, mà chỉ là sự vay mượn, cóp nhặt, chấp vá các tư tưởng, quan điểm của các tôn giáo đông tây kim cổ.”[9, 177].

Sự tổng hợp giáo lý các tôn giáo được thể hiện rõ trong thờ phụng của Cao Đài gồm: thượng đế và các bậc giáo chủ của các tôn giáo, trên bàn thờ Cao Đài, dưới Thiên Nhân là Thích Ca, Lão Tử, Khổng Tử (tam giáo), Quan Âm, Lý Thái Bạch, Quan Thánh (tam trần) Giêsu Kitô, Khương Thái Công.

Đạo Cao Đài thờ Đức Chí Tôn bằng hình ảnh con mắt, gọi là Thiên Nhân (mắt trời) và cho rằng Thiên Nhân trong sáng như gương nên không điều gì xảy ra dưới phạm trần mà thượng đế không biết. Thượng đế của đạo Cao Đài được gọi bằng nhiều tên: Ngọc Hoàng, Ngọc đế, Cao Đài huyền khung, Cao thượng đế, Ngọc Hoàng Đại Thiên tôn... nhưng tên thông dụng là Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát.

Tây Ninh, trung tâm của Cao Đài với số lượng tín đồ đông đảo cùng xuất phát từ sự qui định hoàn cảnh lịch sử hình thành cộng đồng dân cư tín ngưỡng ở mảnh đất này, chủ yếu là nhu cầu mang tính chất truyền thống và sinh hoạt

cộng đồng của người nông dân Nam Bộ và các yếu tố tín ngưỡng truyền thống trong sinh hoạt như thờ cúng tổ tiên, thờ nữ thần... của người Việt xưa, mà Cao Đài đã khai thác tổng hợp thành nội dung thờ phụng của mình đáp ứng tâm lý tín đồ.

- Đạo Hoà Hảo (Phật giáo Hoà Hảo)

Đạo Hoà Hảo ra đời ngày 15/05/1939 tại làng Hòa Hảo, Châu Đốc, An Giang và phát triển chủ yếu ở đồng bằng sông Cửu Long. Đạo này do Huỳnh Phú Sổ sáng lập. Hiện nay đạo Hoà Hảo có khoảng gần 2 triệu tín đồ, chủ yếu sống ở miền Tây Nam Bộ.

Đạo Hoà Hảo không có đội ngũ giáo sĩ và hàng ngũ giáo phẩm, không xây dựng chùa chiền, tượng, hành đạo rất đơn giản, chủ yếu tại gia.

Năm 1999, Việt Nam đã công nhận tư cách pháp nhân của đạo, cho phép đạo hoạt động công khai “việc làm trên giải tỏa tâm lý đồng bào theo đạo và đồng bào càng phấn khởi được Nhà nước cho phép hành hương về nơi tổ đình trong không khí trang nghiêm và vui vẻ” [48, 306]. Mục đích của đạo là phổ độ chúng sinh, hướng về trần thế, giúp đời vì đạo.

2.1.3. Một số tôn giáo mới ra đời

Nước ta ngoài các tôn giáo chính như Phật giáo Công giáo, Tin Lành, Cao đài, Hoà Hảo, Hồi giáo, nay xuất hiện thêm 4 tôn giáo địa phương như Tịnh độ cư sĩ Phật hội, đạo Bà Hai, Phật đường Nam Tông minh sư đạo, Minh lý đạo – Nam tông miếu.

Nam kỳ là đất mới khai khẩn sau này, là nơi xuất hiện nhiều tôn giáo mới như đạo Lành (1849) đạo Minh Sư, Nghĩa Hòa Lợi, Tứ Ân Hiếu Nghĩa, Bửu Sơn Kỳ Hương, Cao Đài đạo, Phật giáo Hoà Hảo. Ngoài ra, nước ta đã xuất hiện hơn 60 loại hình tôn giáo mới.

Ngoài các tôn giáo lớn như đã trình bày, Việt Nam còn có hơn 60 tôn giáo mới phát sinh gần đây dưới sự tác động của mở cửa, hội nhập và xu hướng toàn cầu hóa.

Theo thống kê của Ban Tôn giáo Chính phủ, từ năm 1980 đến nay, ở nước ta có hơn 60 tên gọi khác nhau như: Long Hoa Di Lạc, Ngọc Phật Hồ Chí Minh, Quang Minh tu đức, Đạo Bác Hồ, Đạo lễ phải, Tam tổ Thánh hiền, Đạo Bạch, Đạo Siêu hóa, Chân không, Thanh Hải vô thượng sư, Tâm linh đạo, Khổng Minh thánh đạo hội, Từ Hạnh, Quán Tiêu, Tiên Phật nhất giáo, Đoàn 18 Hùng Vương, Vô vi, Đạo Thánh Mẫu, Đạo Tam pháp, Huỳnh đạo, Tiên Thiên thuyết kỳ, Long Hoa tam muội, Vô vi pháp, Long Hoa chính pháp, Lạc Hồng Âu Cơ ...[8].

Phần nhiều các hiện tượng tôn giáo mới xuất hiện trong thập kỷ 90 của thế kỷ XX tập trung chủ yếu ở các tỉnh miền Bắc, không có cơ cấu tổ chức cụ thể, chỉ có người đề xướng và một số người phân công làm hội trưởng, hội phó, thủ quỹ... để quản lý số người theo đạo ở từng địa bàn.

Những “hiện tượng tôn giáo mới” này sinh chưa được nghiên cứu một cách thấu đáo, sâu sắc nhưng: “khái quát lại, ta có thể thấy lành ít, dữ nhiều” [48, 311]. Tuy nhiên một số hiện tượng tôn giáo mới sinh hoạt hướng thiện và tu nhân tích đức, khuyến khích các tín đồ làm việc thiện, có tác động tích cực trong đời sống xã hội.

Ngày 14/6/2013, trong cuộc hội thảo quốc tế “Chủ nghĩa hậu hiện đại và Phong trào tôn giáo mới ở Việt Nam và thế giới” tổ chức tại Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn thành phố Hồ Chí Minh với sự tham dự của gần 100 nhà khoa học đến từ các viện, trường đại học trong nước và quốc tế, các nhà khoa học và nghiên cứu tôn giáo đã coi “hiện tượng tôn giáo mới ở Việt Nam” là một vấn đề khá phức tạp cần phải được nghiên cứu một cách cụ thể

và khoa học. Theo thống kê chưa đầy đủ từ các cơ quan chức năng, ở Việt Nam đã và đang hiện diện khoảng 70 - 80 hiện tượng tôn giáo mới.

2.2. QUAN ĐIỂM VÀ CHÍNH SÁCH CỦA ĐẢNG TA VỀ TÔN GIÁO

2.2.1. Quan điểm

Tôn giáo là sản phẩm của con người, nó ra đời cùng với sự phát triển của xã hội loài người nên có vai trò quan trọng và tác động đến mọi mặt của đời sống xã hội.

Tín ngưỡng tôn giáo là nhu cầu thiết yếu của người dân, nên cần phải tôn trọng đảm bảo quyền lợi tự do, tín ngưỡng, và không tín ngưỡng của nhân dân đồng thời nghiêm cấm mọi hành vi xâm phạm tự do, tín ngưỡng của người dân, điều đó thể hiện sự quan tâm của Đảng, Nhà nước đến cuộc sống tinh thần của nhân dân.

Chính vì thế, tôn giáo là một vấn đề được Đảng ta, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh rất quan tâm giải quyết trong quá trình tiến hành cách mạng dân tộc và cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Những quan điểm về tôn giáo của Đảng được thể hiện nhất quán, xuyên suốt trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam.

Ngay sau khi được thành lập (1930), Đảng ta đã thấy được Việt Nam là quốc gia có nhiều tôn giáo. Tuy mỗi tôn giáo có những đặc điểm riêng nhưng đều giống nhau ở chỗ cùng tồn tại trong lòng dân tộc. Ngay cả trong những thời điểm khó khăn nhất, đại đa số đồng bào các tôn giáo đều đứng về phía cách mạng, cùng toàn dân đánh thắng thực dân Pháp, đế quốc Mỹ và tích cực tham gia xây dựng, phát triển đất nước.

Đặc biệt, từ khi thực hiện công cuộc đổi mới (từ 1986), các tôn giáo của Việt Nam có sự phục hồi, phát triển nhanh chóng và có nhiều tác động trực tiếp tới tình hình kinh tế - xã hội và an ninh, trật tự ở các địa phương.

Thấy rõ điều đó, Đảng ta đã kịp thời tổng kết, đánh giá tình hình và kết quả công tác tôn giáo; trên cơ sở đó tiếp tục hoàn thiện những chủ trương, chính sách đối với tôn giáo, nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới và hội nhập quốc tế. Sự đổi mới về tôn giáo của Đảng ta được thể hiện qua các quan điểm:

Một là, khẳng định tôn giáo là vấn đề tồn tại lâu dài. Trong chế độ xã hội chủ nghĩa, các nguồn gốc nảy sinh tôn giáo vẫn tồn tại và tác động thường xuyên tới sự phát triển của các tôn giáo.

Trong Nghị quyết 25, Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá IX đã nêu:

“Tín ngưỡng tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân, đang và sẽ tồn tại cùng dân tộc trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Đồng bào các tôn giáo là bộ phận của khối đại đoàn kết toàn dân tộc.”[5].

Quan điểm này là cơ sở cho việc xem xét, giải quyết các vấn đề tôn giáo ở nước ta hiện nay. Thực hiện nhất quán chính sách tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, theo hoặc không theo một tôn giáo nào, quyền sinh hoạt tôn giáo bình thường theo đúng pháp luật. Các tôn giáo hoạt động trong khuôn khổ pháp luật, bình đẳng trước pháp luật.

Hai là, tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân. Đảng luôn thực hiện nhất quán chính sách tôn giáo và đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng. Chống mọi hành động vi phạm tự do tín ngưỡng, đồng thời chống việc lợi dụng tín ngưỡng để làm tổn hại đến lợi ích của tổ quốc và nhân dân.

Trong Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, vấn đề tôn giáo được đề cập ở các văn kiện. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Bổ sung, phát triển 2011), đã khái quát: “Tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo và không tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân

theo quy định của pháp luật. Đấu tranh và xử lý nghiêm đối với mọi hành động vi phạm tự do tín ngưỡng, tôn giáo và lợi dụng tín ngưỡng tôn giáo làm tổn hại đến lợi ích của Tổ quốc và nhân dân” [7].

Báo cáo Chính trị Đại hội XI đã nêu cụ thể hơn:

Tiếp tục hoàn thiện chính sách, pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo phù hợp với quan điểm của Đảng. Phát huy những giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp của các tôn giáo; động viên các tổ chức tôn giáo, chức sắc, tín đồ sống tốt đời, đẹp đạo, tham gia đóng góp tích cực cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Quan tâm và tạo mọi điều kiện cho các tổ chức tôn giáo sinh hoạt theo hiến chương, điều lệ của các tổ chức tôn giáo đã được Nhà nước công nhận, đúng quy định của pháp luật. Đồng thời chủ động phòng ngừa, kiên quyết đấu tranh với những hành vi lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để mê hoặc, chia rẽ, phá hoại khối đoàn kết dân tộc.[7, 81]

Ba là, đạo đức tôn giáo có nhiều điều phù hợp với sự nghiệp xây dựng xã hội mới. Trong quá trình ra đời, tồn tại và phát triển, tôn giáo nào cũng có hai mặt tích cực và tiêu cực, cụ thể:

Về mặt tích cực đó là những điều cấm kỵ, răn dạy trong giáo lý các tôn giáo đều mang giá trị đạo đức và nhân văn sâu sắc. Tôn giáo nào cũng mang tính trừ ác hướng thiện, khuyên con người làm lành, tránh dữ; góp phần khẳng định “cái đẹp, đồng thời lên án cái xấu, cái ác”. Chính điều đó đã góp phần ngăn chặn, hạn chế những ham muốn, dục vọng ở con người, nhất là khi xã hội có xu hướng tôn sùng vật chất, đam mê đồng tiền thái quá.

Còn mặt tiêu cực thể hiện ở chỗ làm cho con người sống an phận và chấp nhận “sự an bài”, thậm chí hạn chế họ tham gia vào quá trình cải tạo xã hội bằng các phương pháp cách mạng. Ngoài ra cũng cần phải lên án hiện tượng phi nhân tính, phản văn hóa trong hoạt động tôn giáo đang làm vẩn đục bầu

không khí sinh hoạt văn hóa tâm linh của con người như xu hướng cực đoan trong tôn giáo.

Bốn là, công tác tôn giáo vừa phải quan tâm giải quyết hợp lý nhu cầu tín ngưỡng của quần chúng, chủ động phòng ngừa và phải kịp thời đấu tranh chống dịch lợi dụng tôn giáo phá hoại cách mạng.

Việc “chủ động phòng ngừa” là vấn đề mới được nêu ở Đại hội XI. Muốn chủ động phòng ngừa được tốt, trước hết cần phải quan tâm đến nhu cầu vật chất và tinh thần của người dân có tín ngưỡng, tôn giáo; phải có những quan điểm mới phù hợp, có hệ thống chính sách đồng bộ và ứng xử đúng đắn với tôn giáo.

Năm là, động viên chức sắc, tín đồ, các tổ chức tôn giáo sống tốt đời, đẹp đạo, tham gia đóng góp tích cực cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Đại hội XI nhấn mạnh việc động viên, khuyến khích, giúp đỡ và tạo cho đồng bào có đạo tham gia ngày một sâu rộng vào những hoạt động kinh tế, văn hóa, xã hội, nhân đạo... quan tâm và tạo mọi điều kiện cho các tổ chức tôn giáo sinh hoạt theo hiến chương, điều lệ của các tổ chức tôn giáo đã được Nhà nước công nhận, đúng quy định của pháp luật.

Các buổi lễ trọng đại của tín ngưỡng, tôn giáo như: lễ Nôen, lễ Phật Đản, lễ hội Đền Hùng ... được các cấp chính quyền hết lòng giúp đỡ đã làm cho những buổi lễ ấy diễn ra an toàn và đem lại niềm hân hoan, phấn khởi cho mọi nhà. Đảng và Nhà nước ta còn quan tâm và tạo mọi điều kiện cho các tổ chức tôn giáo ấy sinh hoạt theo hiến chương, điều lệ của các tổ chức tôn giáo theo đúng quy định của pháp luật.

Mọi tín đồ đều có quyền tự do hành đạo tại gia đình và cơ sở thờ tự hợp pháp theo luật pháp và được pháp luật bảo hộ, được hoạt động tôn giáo, mở trường đào tạo chức sắc, nhà tu hành, xuất bản kinh sách và giữ gìn, sửa chữa,

xây dựng cơ sở thờ tự tôn giáo của mình theo đúng qui định của pháp luật. Việc theo đạo, truyền đạo cũng như mọi hoạt động tôn giáo khác đều phải tuân thủ theo hiến pháp và pháp luật; không được lợi dụng tôn giáo tuyên truyền tà đạo, hoạt động mê tín dị đoan, không được ép buộc người dân theo đạo. Nghiêm cấm các tổ chức truyền đạo và các cách thức truyền đạo trái phép, vi phạm các qui định của hiến pháp và pháp luật

Sáu là, nội dung cốt lõi của công tác tôn giáo là công tác vận động quần chúng, công tác đối với con người.

Mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh là điểm tương đồng để gắn bó đồng bào các tôn giáo với sự nghiệp chung. Mọi công dân không phân biệt tín ngưỡng, tôn giáo đều có quyền và nghĩa vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; thông qua việc thực hiện tốt các chính sách kinh tế-xã hội, an ninh - quốc phòng, đảm bảo lợi ích vật chất và tinh thần của nhân dân nói chung trong đó có đồng bào tôn giáo.

Đoàn kết đồng bào theo các tôn giáo khác nhau; đoàn kết đồng bào theo tôn giáo và không theo tôn giáo. Giữ gìn và phát huy những giá trị tích cực của truyền thống thờ cúng tổ tiên, tôn vinh những người có công với Tổ quốc, với nhân dân. Nghiêm cấm sự phân biệt đối xử với công dân vì lý do tín ngưỡng, tôn giáo. Đồng thời, nghiêm cấm lợi dụng tín ngưỡng tôn giáo để hoạt động mê tín dị đoan, hoạt động trái pháp luật và chính sách của Nhà nước, kích động chia rẽ nhân dân, chia rẽ các dân tộc, gây rối, xâm phạm an ninh quốc gia.

Bảy là, làm tốt công tác đối với tôn giáo là trách nhiệm của toàn bộ hệ thống chính trị do Đảng lãnh đạo

Công tác tôn giáo có liên quan đến nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội, các cấp, các ngành, các địa bàn. Làm tốt công tác tôn giáo là trách nhiệm của toàn bộ hệ thống chính trị do Đảng lãnh đạo. Tổ chức bộ máy và đội ngũ cán

bộ chuyên trách làm công tác tôn giáo có trách nhiệm trực tiếp, cần phải được củng cố và kiện toàn. Công tác quản lý nhà nước đối với các tôn giáo và đấu tranh chống việc lợi dụng tôn giáo chống đối chế độ, chỉ thành công nếu làm tốt công tác vận động quần chúng và tiếp tục hoàn thiện chính sách, pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo phù hợp với quan điểm của Đảng trong giai đoạn mới của đất nước.

Từ việc phân tích các quan điểm trên của Đảng ta về tôn giáo, chúng ta thấy rõ Đảng và Nhà nước ta chủ trương lấy mục tiêu xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, độc lập, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ, phấn đấu vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh làm điểm tương đồng để gắn bó giữa đồng bào các dân tộc, các tôn giáo, các tầng lớp nhân dân trong nước và người Việt Nam định cư ở nước ngoài. Đảng và Nhà nước ta kêu gọi tất cả mọi người xóa bỏ những mặc cảm, định kiến về quá khứ, thành phần giai cấp; mong muốn toàn dân hãy tôn trọng, chấp nhận sự khác nhau về nhận thức, tư tưởng, chính kiến... khi sự khác biệt ấy không trái với lợi ích dân tộc, đi ngược lại quyền lợi của nhân dân và đề cao tinh thần dân tộc, phát huy truyền thống nhân nghĩa, khoan dung, đề tập hợp, đoàn kết mọi người trong mặt trận chung. Việc giữ gìn truyền thống đoàn kết, khép lại quá khứ, hướng tới tương lai vì sự ổn định chính trị và đồng thuận xã hội để phát triển là nhu cầu khách quan của thời đại mới.

Sinh thời Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng đã từng nói: phải đoàn kết chặt chẽ giữa đồng bào lương và đồng bào tôn giáo, cùng nhau xây dựng đời sống hòa thuận, ấm no, xây dựng Tổ quốc. Phải chấp hành đúng chính sách và tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng đối với tất cả các tôn giáo [34].

Thấy rõ điều đó, Đảng ta đã kịp thời tổng kết, đánh giá tình hình và kết quả công tác tôn giáo; trên cơ sở đó tiếp tục hoàn thiện những chủ trương,

chính sách đối với tôn giáo, nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới và hội nhập quốc tế.

Sự đổi mới nhận thức về tôn giáo của Đảng ta được đánh dấu bằng Nghị quyết 24-NQ/TW của Bộ Chính trị năm 1990. Từ Đại hội VII đến Đại hội VIII, IX, X và XI vừa qua, những quan điểm mới về tôn giáo được bổ sung và hoàn thiện dần. Một điều dễ nhận thấy là, trong lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, chưa thời kỳ nào mà Đảng, Nhà nước ta lại xây dựng được hệ thống quan điểm chủ trương, chính sách và pháp luật tôn giáo đầy đủ và hoàn thiện như ngày nay.

Những văn kiện quan trọng của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI đã phản ánh trí tuệ của toàn dân tộc, đồng thời cũng là thành quả của quá trình tổng kết thực tiễn, nghiên cứu và phát triển lý luận sau hơn 25 năm đổi mới đất nước, trong đó có đổi mới tư duy về tôn giáo.

2.2.2. Chính sách

- Giai đoạn trước 1975

Ngay từ khi thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, Đảng ta đã chú ý tới vấn đề tôn giáo và vận động quần chúng tôn giáo, đặc biệt là quần chúng Công giáo tham gia cách mạng giải phóng dân tộc. Chi thị của thường vụ Trung ương về vấn đề thành lập Phân đế đồng minh ngày 18/11/1930 viết: “bảo đảm tự do tín ngưỡng của quần chúng, đập tan luận điệu phản tuyên truyền Cộng sản là vô chính phủ, vô gia đình, vô tôn giáo”

Sau khi thành lập Mặt trận Việt Minh (19/5/1941), Đảng ta đã sáng suốt đưa ra những chủ trương đúng đắn về tôn giáo. Điều này đã thu hút được đồng bào có đạo tham gia vào sự nghiệp cách mạng chung của cả nước. Sau khi giành được độc lập dân tộc, khai sinh ra nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hoà, ngay trong Hiến pháp năm 1946 chương II, mục B ghi rõ: “Mọi công dân Việt Nam có quyền tự do tín ngưỡng” [11].

Đảng đã kịp thời nhắc nhở các đoàn thể phải “hết sức tránh mọi hoạt động phạm đến tôn giáo để cho bọn phản động không thể tin vào đâu được để tuyên truyền chia rẽ” [37, 287]. Văn kiện Đại hội II của Đảng Lao động Việt Nam tháng 2 năm 1951 có viết: Đối với tôn giáo: tôn trọng và bảo vệ quyền tự do tín ngưỡng. Đồng thời nghiêm trị những kẻ lợi dụng tôn giáo mà phản quốc”, quan điểm của Đảng rất rõ ràng, đúng đắn, sáng suốt mà cũng rất mạnh mẽ.

Sau năm 1954, miền Bắc hoàn toàn giải phóng tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội, miền Nam tạm thời dưới ách thống trị của Mỹ và tay sai là chính quyền Sài Gòn. Nên tình hình tôn giáo ở hai miền có sự khác nhau và miền Bắc tình hình tôn giáo rất phức tạp. Trước tình hình đó, Đảng và Nhà nước ta vẫn kiên trì chính sách đối với tôn giáo, đặc biệt là sắc lệnh 234/SL, ngày 14/6/1955 của Chính phủ về vấn đề tôn giáo, điều 1 đã ghi rõ: “Chính phủ đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng và tự do thờ cúng của nhân dân. Không ai được xâm phạm đến quyền tự do ấy. Mọi người Việt Nam đều có quyền tự do theo hoặc không theo tôn giáo nào”. Trong quan hệ nội bộ tôn giáo, điều 13 sắc lệnh số 234 quy định nguyên tắc: “chính quyền không can thiệp vào công việc nội bộ các tôn giáo”. Đây là điều đặc biệt của các nhà nước thế tục.

- Giai đoạn 1975 - 1990.

Đại hội toàn quốc lần thứ IV (1976) một lần nữa khẳng định chính sách nhất quán tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng của nhân dân, đồng thời cương quyết đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu lợi dụng tôn giáo làm hại Tổ quốc.

Ngày 11/11/1997, Nghị quyết số 297/CP về một số chính sách đối với tôn giáo ra đời, trên cơ sở khẳng định Sắc lệnh 234/SL thì Nghị quyết tiếp tục bổ sung, hoàn thiện đáp ứng yêu cầu của tình hình mới.

Chính sách tôn giáo của Nhà nước Việt Nam từ 1990 đến nay.

Lần đầu tiên trong Nghị quyết 24/TW ngày 16/10/1990 của Bộ Chính trị đưa ra quan điểm tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân và đưa vào Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII (1991): “Tín ngưỡng là vấn đề còn tồn tại lâu dài. Tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân”, và “đạo đức tôn giáo có nhiều điều phù hợp với công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội mới.” [2, 24]

Sự khẳng định này tương như đơn giản song đó là một bước tiến mới về nhận thức lý luận của Đảng ta, là bước đột phá trong nhận thức của Nhà nước ta về tôn giáo.

Điều 70 của Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 nêu rõ: “Công dân Việt Nam có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo theo hoặc không theo một tôn giáo nào. Các tôn giáo đều bình đẳng trước pháp luật. Những nơi thờ tự của các tín ngưỡng, tôn giáo được pháp luật bảo hộ. Không ai được xâm phạm tự do tín ngưỡng, tôn giáo, hoặc lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để làm trái pháp luật và chính sách của Nhà nước.” [5, 48].

Nghị quyết 24-NQ/TW của Bộ Chính trị được thừa nhận là sự đổi mới tư duy của Đảng về tôn giáo.

Chi thị 66-CT/TW, ngày 26/11/1990 của Ban bí thư Trung ương Đảng về việc thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị về tăng cường công tác tôn giáo trong tình hình mới.

Nghị định số 69/HĐBT, ngày 21/3/1991 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ), quy định về các hoạt động tôn giáo, đề cập tới nhiều nội dung trong lĩnh vực tôn giáo.

Chi thị số 379/TTg, ngày 23/7/1993 về hoạt động tôn giáo.

Chi thị số 37-CT/TW, ngày 2/7/1998 của Bộ Chính trị về công tác tôn giáo trong tình hình mới, đến ngày 19/4/1999 Thủ tướng chính phủ ban hành

Nghị định 26/1999/NĐCP về các hoạt động tôn giáo thay thế Nghị định số 69/HĐBT.

Ngày 12/3/2003, tại Hội nghị lần thứ VII, Ban Chấp hành Trung ương khóa IX, Đảng ra Nghị quyết số 25-NQ/TW về công tác tôn giáo, có viết: “Tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân, đang và sẽ tồn tại cùng dân tộc trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.” [5, 48].

Nghị quyết này là sự tiếp tục của quá trình đổi mới tư duy của Đảng trên lĩnh vực tôn giáo. Điều đặc biệt, Nghị quyết số 25 coi: “Mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ văn minh là điểm tương đồng để gắn bó đồng bào các tôn giáo với sự nghiệp chung” [5, 49]. Đây là điều Hồ Chí Minh rất coi trọng về điểm tương đồng giữa người không có tín ngưỡng cũng như có tín ngưỡng, tôn giáo khác nhau cùng phấn đấu vì mục tiêu chung là độc lập cho dân tộc, tự do và hạnh phúc cho mọi người.

Thế chế đường lối, quan điểm của Đảng về công tác tôn giáo trong tình hình mới, pháp luật về tôn giáo trong giai đoạn này không ngừng được xây dựng, sửa đổi và hoàn thiện. Chỉ hơn 25 năm, hàng trăm văn bản pháp luật Nhà nước được ban hành để điều chỉnh lĩnh vực tôn giáo.

Từ Nghị quyết 24 năm 1990 đến Nghị quyết số 25, Đảng ta đã ghi thêm một nấc thang mới trong nhận thức lý luận trên lĩnh vực tôn giáo.

Ngày 29/6/2004, Chủ tịch nước Trần Đức Lương ký Lệnh công bố Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo được ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XI, thông qua ngày 18/6/2004. Đây là văn bản quy phạm pháp luật có giá trị pháp lý cao nhất, điều chỉnh trực tiếp lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo kể từ sau Sắc lệnh 234/SL ngày 14/6/1955.

Để pháp lệnh tín ngưỡng tôn giáo đi vào cuộc sống, Chính phủ đã ra Nghị định số 22/2005/NĐ-CP, ngày 01/3/2005, hướng dẫn thi hành một số

điều của Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo. Nghị định số 22 làm cho chính sách tôn giáo của Nhà nước ta thêm phong phú, gần đây đã ban hành Nghị định số 92/2012/NĐ-CP ngày 08/11/2012 quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo thay thế Nghị định số 22/2005/NĐ-CP của Chính phủ.

Ngày 04/02/2005, Thủ tướng Chính phủ ra Chi thị số 01/2005/CT-TTg, về một số công tác đối với đạo Tin Lành.

Sau một thời gian ban hành, Nghị định số 92/2012/NĐ-CP quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh tín ngưỡng tôn giáo thay thế cho Nghị định số 22/2005/NĐ-CP và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2013. Bao gồm 5 chương, 14 mục, 46 điều và nhiều nội dung được sửa đổi, bổ sung, trong đó có 12 điều được quy định mới so với Nghị định 22/2005/NĐ-CP đã qui định rõ ràng, thông thoáng, cởi mở hơn trong công tác tôn giáo. Nghị định số 92/2012/NĐ-CP đã từng bước đi vào cuộc sống, đáp ứng nhu cầu cơ bản của các tổ chức tôn giáo và chức sắc, chức việc, tín đồ các tôn giáo. Nghị định số 92/2012/NĐ-CP đã bước đầu tạo được những nét mới trong đời sống tôn giáo. Được đông đảo chức sắc, tín đồ tôn giáo đón nhận với sự tin tưởng, phấn khởi trước những chính sách thông thoáng, cởi mở của Đảng, Nhà nước. Nghị định số 92/2012/NĐ-CP đi vào cuộc sống sẽ góp phần tạo sự ổn định để phát triển đất nước./.

Trong thời gian qua việc thực hiện chính sách tôn giáo đã đạt được những kết quả quan trọng, điều đó khẳng định tính đúng đắn, sáng tạo của đường lối, chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước ta trên các lĩnh vực như:

Nhà nước đã xây dựng và tổ chức triển khai các đề án phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh quốc phòng cho các vùng, miền như: Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ; bước đầu đã tạo điều kiện nâng cao đời sống vật chất,

tinh thần của nhân dân, trong đó có đồng bào các tôn giáo, tạo niềm tin của đồng bào đối với Đảng và Nhà nước, cũng như chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước ta.

Sinh hoạt tôn giáo của chức sắc, tín đồ được quan tâm và tạo điều kiện của các cấp chính quyền. Đặc biệt từ khi có Chi thị số 01/2005/CT- TTg của Thủ tướng chính phủ về một số công tác đối với đạo Tin lành, Kế hoạch 04, 05 (nay là Kế hoạch số 10, số 15 thay thế) của Ban Tôn giáo Chính phủ hướng dẫn triển khai thực hiện Chi thị số 01 đối với khu vực các tỉnh Tây Nguyên, Bình Phước và các tỉnh miền núi phía Bắc, hiện nay có 455 chi hội được công nhận, 4.409 điểm nhóm thuộc Hội thánh Tin lành Việt Nam (miền Nam và miền Bắc) đăng ký hoạt động.

Các tôn giáo mới được cấp đăng ký hoạt động và công nhận về mặt tổ chức theo quy định của pháp luật được tăng lên trong những năm qua. Hiện cả nước 13 tôn giáo với 36 tổ chức tôn giáo và 01 pháp môn tu hành đã được Nhà nước công nhận và cấp đăng ký hoạt động (trước khi ban hành Pháp lệnh tín ngưỡng tôn giáo chỉ có 6 tôn giáo với 16 tổ chức), gồm: Phật giáo, Công giáo, Tin lành, Cao Đài, Phật giáo Hòa Hảo, Hồi giáo, Tịnh độ Cư sỹ Phật Hội Việt Nam, Baha'i, Bửu Sơn Kỳ Hương, Tứ Ân Hiếu Nghĩa, Minh Sư đạo, Minh Lý đạo Tam Tông Miếu, đạo Balamôn.

Cùng với các kết quả trên, phong trào thi đua yêu nước trong vùng đồng bào các tôn giáo tiếp tục được các tỉnh, thành phố quan tâm chỉ đạo, một số địa phương đã tổ chức tốt các cuộc Hội thảo, các Hội nghị chuyên đề về việc tôn giáo tham gia xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư

Công tác phối hợp với các ngành, các đoàn thể chính trị - xã hội từ Trung ương đến địa phương trong việc tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật về tôn giáo của Đảng, Nhà nước và bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh cho chức sắc, chức việc các tôn giáo những năm qua được cấp

ủy, chính quyền các cấp quan tâm, đầu tư chặt chẽ hơn. Ban Tôn giáo Chính phủ đã ký kết chương trình phối hợp về công tác tôn giáo với một số đoàn thể như: Trung ương Hội Nông dân Việt Nam, Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam và các đơn vị quốc phòng. Trong quá trình triển khai thực hiện một số chính sách cụ thể về tôn giáo luôn có sự phối hợp chặt chẽ của các bộ, ngành và các cơ quan ở Trung ương liên quan, đặc biệt trong quá trình triển khai thực hiện Chi thị số 01/2005/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về một số công tác đối với đạo Tin lành ở các khu vực các tỉnh Tây Nguyên và Bình Phước và miền núi phía Bắc đã được phối hợp với các cơ quan như: Ban Dân vận Trung ương, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Bộ Công an, Bộ Tư lệnh Bộ đội biên phòng.

Với kết quả trên đã khẳng định chính sách tôn giáo đúng đắn của Đảng, Nhà nước ta; đã động viên được đồng bào các tôn giáo đoàn kết trong khối đại đoàn kết toàn dân tộc, khai thác, huy động được tiềm năng của các tôn giáo tham gia tích cực vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc và đó cũng là điều kiện cơ bản để chúng ta đấu tranh có hiệu quả đối với các âm mưu lợi dụng tôn giáo của các thế lực thù địch nhằm chống phá cách mạng nước ta.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Tín ngưỡng tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân, đã, đang và sẽ tồn tại cùng dân tộc trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Việt Nam là một quốc gia có nhiều hình thức tín ngưỡng, tôn giáo khác nhau đang tồn tại. Trải qua quá trình lịch sử nhận thức gắn với thực tiễn cách mạng nước ta về tôn giáo, chúng ta thấy rõ tư tưởng xuyên suốt trong chính sách của Đảng, Nhà nước ta là đại đoàn kết toàn dân tộc, đoàn kết tôn giáo, tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng của nhân dân.

Chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước Việt Nam được xây dựng trên quan điểm cơ bản của học thuyết Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về tín ngưỡng, tôn giáo và căn cứ vào đặc điểm tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam. Nội dung cốt lõi của chính sách tôn giáo là công tác vận động quần chúng.

Những quan điểm của Đảng ta từ ngày thành lập đến nay chứng minh rằng Đảng coi quyền tự do tín ngưỡng là một nhu cầu quan trọng của con người, là một trong những quyền công dân, quyền chính đáng của con người. Vì vậy, Đảng và Nhà nước ta luôn luôn tôn trọng đức tin của đồng bào theo tín ngưỡng, tôn giáo khác nhau; tôn trọng quyền được theo bất cứ tôn giáo nào cũng như quyền không theo tôn giáo nào.

Việc thực hiện đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước ta đối với tín ngưỡng, tôn giáo cần nắm vững những quan điểm chỉ đạo của Đảng, chính sách của Nhà nước trên lĩnh vực tôn giáo để phát huy mạnh mẽ sự tham gia tích cực và tự giác của toàn dân, trong đó có đồng bào theo đạo vào quá trình đổi mới là vấn đề có ý nghĩa lý luận và thực tiễn cấp bách ở nước ta hiện nay.

CHƯƠNG 3

VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG CỦA V.I. LÊNIN

TRONG VIỆC HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH TÔN GIÁO

CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC VIỆT NAM HIỆN NAY

Cùng với sự nghiệp đổi mới của đất nước, công tác tôn giáo đã có những biến đổi sâu sắc và đạt được kết quả khả quan hơn. Việc thực hiện tự do tín ngưỡng đã đi vào nề nếp bên cạnh việc bảo đảm sự phát triển của kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống nhân dân, trong đó có cả đồng bào có đạo.

Quan điểm của Lênin về tôn giáo đã cho chúng ta có một phương pháp nhìn nhận, đánh giá và vận dụng một cách đúng đắn và sáng tạo các quan điểm về tôn giáo trong hoàn cảnh nước ta.

Vận dụng một cách sáng tạo học thuyết chủ nghĩa Mác – Lênin về tôn giáo vào hoàn cảnh Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh không đặt vấn đề tiêu vong tôn giáo, không cường điệu vô thần - hữu thần, chủ nghĩa duy vật - chủ nghĩa duy tâm. Người nhấn mạnh tự do tín ngưỡng tôn giáo và tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng. Người không mặc cảm, định kiến với tôn giáo, phân biệt tôn giáo chân chính với tôn giáo bị các thế lực chống cộng lợi dụng. Sự sáng tạo vĩ đại của Hồ Chí Minh là Người khẳng định một sự tương đồng giữa lý tưởng, khát vọng của các tôn giáo chân chính với khát vọng lý tưởng của chủ nghĩa cộng sản là phấn đấu vì hạnh phúc của con người.

Trong từng thời kỳ lịch sử, Đảng ta có nhiều Chỉ thị, Nghị quyết chỉ đạo kịp thời đối với chính sách tôn giáo, các quan điểm luôn được bổ sung kịp thời. Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đã đạt được, chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước ta áp dụng trong thực tiễn vẫn còn nhiều thiếu sót, bất cập. Do đó việc tiếp tục phát triển và vận dụng sáng tạo tư tưởng của V.I. Lênin nói riêng cũng như của chủ nghĩa Mác nói chung nhằm hoàn thiện

chính sách, luật pháp tôn giáo và thường xuyên đổi mới nội dung và hình thức công tác vận động tôn giáo là một vấn đề cấp thiết hiện nay.

3.1. SỰ CẦN THIẾT CỦA VIỆC PHÁT TRIỂN VÀ VẬN DỤNG SÁNG TẠO TƯ TƯỞNG LÊNIN TRONG VIỆC HOÀN THIỆN QUAN ĐIỂM VÀ CHÍNH SÁCH TÔN GIÁO CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC TA HIỆN NAY

Trong quá trình nghiên cứu và vận dụng những luận điểm về tôn giáo của các nhà kinh điển chủ nghĩa Mác, chúng ta cần phải nhận thức được tôn giáo mà các nhà kinh điển đề cập đến là tôn giáo của người phương Tây, Do đó, có nhiều luận điểm của các ông về tôn giáo không hoàn toàn đúng với tôn giáo của người phương Đông. Ví dụ, theo V.I. Lênin “Chủ nghĩa Mác bao giờ cũng coi tôn giáo và các giáo hội, tất cả các tổ chức tôn giáo hiện có, đều là những cơ quan của thế lực phản động tư sản, dùng để bảo vệ chế độ bóc lột và đầu độc giai cấp công nhân” [23, 524]. Do đó, chúng ta cần phải phát triển và vận dụng sáng tạo, phù hợp với tình hình thực tiễn của đất nước.

C. Mác, Ph. Ăngghen, V.I. Lênin không phải là những nhà tôn giáo học, các luận điểm về tôn giáo của các ông được đề cập đến trong các tác phẩm triết học, Kinh tế chính trị học, liên quan đến các vấn đề thế giới quan và nhận thức luận, nên có những luận điểm được các ông nhắc lại nhiều lần, có những luận điểm các ông mới chỉ đề cập đến mà chưa có điều kiện đi sâu nghiên cứu. Chẳng hạn, tôn giáo mà các ông nói đến trong các tác phẩm của mình là tôn giáo độc thần hình thành khi xã hội đã phân chia thành giai cấp. Thực tế, tôn giáo được ra đời từ trước đây, dưới các hình thức sơ khai của phiếm thần luận, đa thần giáo rồi mới phát triển thành nhất thần luận. Chính Ph. Ăngghen khi lý giải về tính lịch sử của tôn giáo, cũng cho rằng, tôn giáo cũng biến đổi theo sự thay đổi của lịch sử, xã hội: “đến một giai đoạn tiến hóa cao hơn nữa, thì toàn bộ những thuộc tính tự nhiên và thuộc tính xã hội của nhiều vị thần

được chuyển sang cho một vị thần vạn năng duy nhất, bản thân vị thần này cũng chỉ là phản ánh của con người trừu tượng. Như vậy, nhất thần giáo xuất hiện.” [30, 439].

Để hiểu rõ quan điểm của V.I. Lênin về tôn giáo một cách toàn diện chúng ta phải xem xét toàn bộ những luận điểm của ông về tôn giáo trong các tác phẩm của ông. Nếu chỉ biết một vài câu, một vài luận điểm thì dễ dẫn đến tình trạng thấy lời phát biểu này của ông mâu thuẫn với lời phát biểu khác. V.I.Lênin trong tác phẩm “Dự thảo cương lĩnh của Đảng Cộng sản Nga” tuyên bố “Chuyên chính vô sản phải trừ bỏ triệt để những mối liên hệ giữa một bên là các giai cấp bóc lột, tức bọn địa chủ và bọn tư bản, với một bên là tổ chức tuyên truyền tôn giáo là những mối liên hệ nhằm giữ quần chúng trong vòng ngu muội”[26,117]. Và khẳng định “Chúng ta phải đấu tranh chống tôn giáo. Đó là điều sơ đẳng của toàn bộ chủ nghĩa duy vật, và do đó, của chủ nghĩa Mác”[23, 514]. Song, có chỗ ông lại cho rằng, trong cuộc “chiến đấu” này, ai làm tổn thương đến tình cảm tôn giáo, người đó sẽ gây thiệt hại lớn... [25, 221].

Như vậy, khi V.I. Lênin tuyên bố chuyên chính vô sản phải trừ bỏ triệt để tôn giáo và đấu tranh chống tôn giáo là ông muốn nói đến đấu tranh về mặt triết học với tôn giáo để tước đi tính độc quyền chân lý của tôn giáo, dành lại quyền đó cho khoa học và triết học duy vật. Còn khi Lênin phân tích đến cách thức, phương pháp đấu tranh với tôn giáo là phải đấu tranh bằng khoa học, triết học chứ không chế nhạo hay si và, cấm đoán mọi sự thờ cúng tôn giáo của người dân, vì làm như vậy sẽ làm tổn hại đến tình cảm tôn giáo của họ, dẫn đến chỗ thay vì làm cho tôn giáo chết cái chết tự nhiên của nó thì lại làm cho nó ngày càng phát triển hơn và người ta càng quan tâm đến tôn giáo hơn. Nên khi tìm hiểu quan điểm tôn giáo của V.I.lênin phải thấy được quan điểm tôn giáo của ông xuất phát từ yêu cầu lý luận và thực tiễn nào.

Trong xu thế ngày nay đã có nhiều thay đổi, diễn biến tôn giáo cũng thay đổi theo, nhiều vấn đề mà sinh thời các ông chưa thể dự đoán được. Do đó, cần vận dụng các quan điểm này một cách sáng tạo phù hợp với đặc điểm tình hình của nước ta.

Trong những năm gần đây, cùng với sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, hoạt động tôn giáo trong cả nước khá sôi động; đó là kết quả của sự vận dụng đúng đắn, sáng tạo của Đảng và Nhà nước ta đối với các quan điểm về tôn giáo của Lênin vào Việt Nam.

Phát triển sáng tạo tư tưởng của chủ nghĩa Mác nói chung và của Lênin nói riêng trong điều kiện hiện nay của thế giới và Việt Nam, chúng ta cần đổi mới một số quan điểm và chính sách tôn giáo. Trong thời kỳ C. Mác, Ph. Ăngghen và V.I. Lênin đề ra các quan điểm tôn giáo, chính quyền nhà nước vẫn còn nằm trong tay giai cấp thống trị, tôn giáo còn là công cụ của giai cấp thống trị để nô dịch quần chúng. Tuy nhiên, hiện nay ở nước ta, chính quyền Nhà nước đã nằm trong tay nhân dân lao động, tôn giáo không còn là công cụ của giai cấp thống trị bóc lột nữa. Do vậy chúng ta cần phải thay đổi thái độ với các tôn giáo cho phù hợp với tình hình mới.

Chúng ta *không được đồng nhất chủ nghĩa xã hội với chủ nghĩa vô thần và coi tôn giáo là thế lực cản trở hoặc nằm ngoài chủ nghĩa xã hội*. Nếu chủ nghĩa xã hội để lộ ý đồ lâu dài là “loại bỏ tôn giáo khỏi kiến trúc thượng tầng xã hội chủ nghĩa” như ở Liên Xô và nước ta trước đây, thì tôn giáo sẽ chống lại Chủ nghĩa xã hội là điều đương nhiên. Nếu coi tôn giáo là một bộ phận của chủ nghĩa xã hội thì tôn giáo sẽ đi theo chủ nghĩa xã hội. Suy cho cùng, mục đích của các tôn giáo và mục đích của chủ nghĩa xã hội tuy khác nhau ở chỗ một cái là ảo tưởng, một cái là hiện thực, nhưng có nhiều điểm tương đồng như *đều đề cao và hướng tới cái thiện, cái đẹp, chống lại cái ác, cái xấu, tiêu cực, bất công*. Ngoài ra, đồng bào có đạo ở nước ta cũng rất quan tâm đến

việc đời. Do đó, với quan điểm “tôn giáo là nhu cầu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân” và với việc xóa bỏ mọi định kiến sai lầm trước đây về tôn giáo, chúng ta có thể đưa tôn giáo đi theo con đường xã hội chủ nghĩa, xóa bỏ mọi sự chống đối của một bộ phận tôn giáo đối với chủ nghĩa xã hội.

Tuy nhiên, chủ nghĩa xã hội không chỉ tôn trọng tự do tín ngưỡng, mà còn phải *tôn trọng tự do không tín ngưỡng* của nhân dân. Ở nước ta, tôn giáo chỉ chiếm một tỉ lệ nhỏ trong dân cư, số người không tôn giáo còn đông hơn số người có đạo. Do đó không thể để cho các tôn giáo hoàn toàn tự do lấn bước được. Chúng ta đã để cho các tôn giáo được tự do tuyên truyền tôn giáo trên nhiều phương tiện thông tin đại chúng, như sách, báo, nhưng vận dụng tư tưởng của Lênin, chúng ta cần dịch và viết những sách vô thần để phổ biến trong quần chúng. Việc xuất bản và công bố những tài liệu vô thần có tác dụng giúp cho đồng có đạo và không có đạo hiểu biết sâu sắc hơn về nguồn gốc và bản chất của tôn giáo, chống lại niềm tin mù quáng, giúp cho mọi người có khả năng lựa chọn tốt hơn việc theo hay không theo tôn giáo nào.

3.2. HOÀN THIỆN HỆ THỐNG LUẬT PHÁP VỀ TÔN GIÁO

Sau hơn hai mươi năm đổi mới, dưới sự lãnh đạo của Đảng, công tác xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật đã có bước tiến đáng kể. Sự hoàn thiện hệ thống luật pháp về tôn giáo đã thể hiện tư tưởng của Mác và Lênin về việc tôn trọng tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng của nhân dân.

Nhiều bộ luật, luật, pháp lệnh được ban hành đã tạo khuôn khổ pháp lý ngày càng hoàn chỉnh hơn để Nhà nước quản lý bằng pháp luật trên tất cả các lĩnh vực trong đó có tôn giáo. Những tiến bộ đó đã góp phần thể chế hoá đường lối của Đảng, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý điều hành của Nhà nước, đẩy mạnh phát triển kinh tế, giữ vững ổn định chính trị - xã hội của đất nước.

Tôn giáo là một thực tế đang tồn tại và ngày một phát triển, lan tỏa cả về chiều sâu lẫn chiều rộng trong thế giới ngày nay. Trong xu thế toàn cầu hoá có sự xuất hiện của các hiện tượng tương như trái ngược nhau, là xung đột văn minh, văn hoá và đồng nhất văn minh, văn hoá trong đó tín ngưỡng, tôn giáo không phải là ngoại lệ và vai trò của hệ thống pháp luật điều chỉnh lĩnh vực này đòi hỏi ngày một hoàn thiện và có tính thực tiễn hơn

Thực hiện công cuộc đổi mới, đời sống kinh tế của Việt Nam ngày càng phát triển và đời sống tinh thần ngày càng được quan tâm, nhất là nhu cầu sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo nên đã thu hút đông đảo người dân tham gia.

Ngay từ bản Hiến pháp đầu tiên năm 1946 của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đến Hiến pháp năm 1992 đều khẳng định quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo là một trong những quyền cơ bản của công dân. Những quy định này thể hiện chính sách đúng đắn của Nhà nước Việt Nam về tín ngưỡng, tôn giáo, coi tự do tín ngưỡng, tôn giáo là quyền của mỗi cá nhân. “Công dân Việt Nam có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo theo hoặc không theo một tôn giáo nào. Các tôn giáo đều bình đẳng trước pháp luật” [5, 48]. Nhà nước không những tôn trọng quyền tự do đó mà còn tạo mọi điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo một cách đúng đắn, và đồng thời nghiêm trị các cá nhân, tổ chức nào xâm phạm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo hoặc lợi dụng quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo để làm hại đến lợi ích chung, trái với pháp luật của Nhà nước.

Với quan điểm này của Lênin thì Ngày 12/3/2003, tại Hội nghị lần thứ VII, Ban Chấp hành Trung ương khóa IX, Đảng ta ra Nghị quyết số 25-NQ/TW về công tác tôn giáo, đã viết: “Tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân, đang và sẽ tồn tại cùng dân tộc trong quá trình xây dựng Chủ nghĩa xã hội ở nước ta” [5, 48]. Từ khi có Nghị quyết 25/NQ-TW ngày 12-3-2003 của Trung ương Đảng về công tác tôn giáo,

Chính phủ đã chỉ đạo các bộ, ngành từng bước cụ thể hóa các quan điểm, giải pháp và các nhiệm vụ chủ yếu trong Nghị quyết của Đảng thành các quy định của pháp luật, các kế hoạch, giải pháp, cơ chế. Điều đó đã bảo đảm việc thực hiện và đưa Nghị quyết của Đảng vào cuộc sống, tạo thành hành lang pháp lý cho các hoạt động tôn giáo, sự thống nhất trong việc giải quyết nhu cầu sinh hoạt tôn giáo trên phạm vi cả nước, tăng cường hiệu lực và hiệu quả công tác tôn giáo.

Các bộ, ngành liên quan đã tham mưu và giúp Chính phủ, Thủ tướng xây dựng và trình Quốc hội thông qua các văn bản liên quan trực tiếp và gián tiếp đến công tác quản lý nhà nước về hoạt động tôn giáo. Ban Tôn giáo Chính phủ chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan tiến hành bổ sung vào Dự thảo Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo, cụ thể hóa chính sách tôn giáo của Đảng trong Nghị quyết 25/NQ-TW; tổ chức lấy ý kiến rộng rãi của các nhà khoa học, quản lý và chức sắc đại diện cho các tổ chức tôn giáo. Thừa ủy quyền của Chính phủ, Ban Tôn giáo Chính phủ đã trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua và Chủ tịch nước đã ký Lệnh công bố ban hành Pháp lệnh Tín ngưỡng tôn giáo ngày 29-6-2004 và có hiệu lực thi hành từ ngày 15-11-2004.

Ban Tôn giáo Chính phủ chủ trì soạn thảo Nghị định số 22/2005/NĐ-CP hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Tín ngưỡng, tôn giáo trình Chính phủ và được ban hành ngày 01-3-2005. Sau đó, Chính phủ ban hành tiếp Chỉ thị số 01/2005/CT-TTg ngày 4-2-2005 về một số công tác đối với đạo Tin Lành. Như vậy, Nghị quyết số 25/NQ-TW cùng với ba văn bản nói trên đã công khai, minh bạch đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước ta trong lĩnh vực tôn giáo; đồng thời là cơ sở để giải quyết các nhu cầu sinh hoạt tôn giáo, bảo đảm quyền tự do tôn giáo của nhân dân, xác định rõ trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước về tôn giáo, quyền và nghĩa vụ của các tổ chức, cá nhân tôn giáo đang hoạt động ở Việt Nam.

Mặt khác, Quốc hội, Chính phủ đã ban hành và sửa đổi 16 văn bản quy phạm pháp luật có những nội dung liên quan đến các lĩnh vực hoạt động tôn giáo như: về đất đai có Luật Đất đai sửa đổi năm 2003, Nghị quyết số 23/2003/QH XI về nhà đất do Nhà nước quản lý nhà đất và chính sách cải tạo xã hội chủ nghĩa trước ngày 01-7-1991; về xây dựng có Luật Xây dựng; về thanh tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo, có Luật Khiếu nại, tố cáo; về đăng ký hộ khẩu, có Luật Cư trú... Hệ thống chính sách mới được ban hành, sửa đổi, bổ sung có tác động tích cực trong việc bảo đảm nhu cầu sinh hoạt tôn giáo của nhân dân, cũng như quản lý các hoạt động tôn giáo theo pháp luật một cách cụ thể, rành mạch, nghiêm chỉnh.

Do có hệ thống luật pháp về tôn giáo và được tuyên truyền sâu rộng trong xã hội nên việc thực thi luật pháp diễn ra suông sẻ. Tập thể, tổ chức, cá nhân thực hiện tốt được biểu dương khen thưởng; ngược lại, nếu không thực hiện tốt hay vi phạm luật pháp thì bị trừng trị. Điều này giải thích tại sao vừa qua ở nước ta có những cá nhân, tín đồ vi phạm luật pháp đã bị Nhà nước ta xử phạt. Việc xử phạt đó chính là nhằm thực hiện nghiêm luật pháp

Như vậy Hiến pháp và pháp luật Việt Nam đã thể hiện đầy đủ quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo được nêu trong Tuyên ngôn thế giới về nhân quyền năm 1948 và Công ước Quốc tế về các quyền Dân sự và Chính trị năm 1966. Điều này chứng tỏ những tiến bộ vượt bậc và những cố gắng rất lớn của Nhà nước Việt Nam trong việc tôn trọng và bảo đảm quyền con người.

Nhà nước Việt Nam đã thể chế hóa quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo qua những văn bản quy phạm pháp luật như trên. Những văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến lĩnh vực tôn giáo đã có nhiều thay đổi cả về nội dung và hình thức, sát với thực tiễn của đời sống tín ngưỡng, tôn giáo, phù hợp với pháp luật.

Trước đây chỉ có những văn bản được ban hành dưới hình thức Sắc lệnh, Nghị quyết, Nghị định thì trong thời gian gần đây đã có nhiều điều quy định trong Bộ luật, Luật, Pháp lệnh... được ban hành.

Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo ra đời đánh dấu một tiến triển mới trong việc hoàn thiện pháp luật điều chỉnh lĩnh vực hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam.

Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo gồm 6 chương, 41 điều đã xác định rõ quyền và nghĩa vụ của các cá nhân, tổ chức tôn giáo; tôn trọng và bảo đảm nguyên tắc nội bộ của các tổ chức tôn giáo thì do các tôn giáo tự giải quyết theo Hiến chương, Điều lệ của các tổ chức tôn giáo. Đồng thời xác định Nhà nước Việt Nam tôn trọng và thực hiện các điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia ký kết. Điều đó cho chúng ta thấy rõ sự tương tác thích đáng đối với luật pháp đương đại vì từ trước đến nay chưa có văn bản pháp luật nào liên quan tới tôn giáo đề cập đến yếu tố quan hệ quốc tế này.

Tóm lại sự phát triển của Pháp luật về tôn giáo ở Việt Nam trong thời gian qua cho thấy, hệ thống pháp luật Việt Nam về tôn giáo có những bước phát triển đáng kể, trong đó phải kể đến sự ra đời của Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo.

Tuy nhiên, trong xu thế hội nhập quốc tế hiện nay, việc hoàn thiện hệ thống pháp luật liên quan đến tôn giáo là điều rất cần thiết, việc hoàn thiện pháp luật liên quan đến tôn giáo khẳng định vai trò của Nhà nước là luôn tạo điều kiện tốt nhất cho các tôn giáo thực hành đức tin của mình không bị hạn chế, tuy nhiên phải nằm trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật.

Trong xu thế hiện nay, với sự biến đổi liên tục của đời sống xã hội, hệ thống pháp luật nói chung và pháp luật nói riêng về tín ngưỡng, tôn giáo cần được sự quan tâm của các nhà làm luật, các nhà quản lý cần có tầm nhìn trong việc hoạch định chính sách và những dự đoán chiều hướng phát triển của các

tôn giáo trong bối cảnh toàn cầu hoá hiện nay để từ đó có thể đưa ra các quy định phù hợp với hoàn cảnh, đặc trưng của mỗi quốc gia, dân tộc nhưng không trái với Công ước quốc tế về quyền con người, trong đó có quyền tự do tín ngưỡng của nhân dân.

Trong luật pháp về tôn giáo ở nước ta hiện nay vẫn còn nhiều điểm bất cập, vẫn còn dễ xảy ra nhiều hiện tượng tiêu cực trong các tôn giáo, như tham nhũng, mua bán chức sắc và một số biểu hiện tiêu cực khác. Do vậy, các cơ quan nhà nước cần phải cùng với các tổ chức tôn giáo tiến hành điều tra chấn chỉnh kịp thời, đảm bảo cho mọi tổ chức tôn giáo đều giữ được sự trong sạch, mọi chức sắc tôn giáo đều thực hiện được nếp sống “đẹp đạo, tốt đời”.

Hiện nay ở nước ta vẫn còn nhiều hoạt động tín ngưỡng tôn giáo như cúng tế, tang ma gây mất trật tự công cộng. Do đó Nhà nước cần ban hành những quy định luật pháp đảm bảo mọi hoạt động tín ngưỡng tôn giáo diễn ra đúng pháp luật, không gây ảnh hưởng đến sinh hoạt của các tầng lớp nhân dân.

3.3. TĂNG CƯỜNG ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO CÁC TÔN GIÁO

Tôn giáo là một hiện tượng xã hội đa dạng, phức tạp gắn liền với những lĩnh vực xã hội khác nhau của đời sống con người; là một hình thái ý thức xã hội do con người sáng tạo ra, nó phản ánh cách giải quyết mối quan hệ giữa con người với cái siêu nhiên, cái hiện thực với cái hư ảo, cái trần tục với cái thiêng liêng, các trần gian với cái siêu trần gian. Tôn giáo nào cũng khuyên răn con người tu nhân tích đức, nên nhiều tín đồ tôn giáo vì ngộ được đức tin đã hy sinh cả cuộc đời để dấn thân vào việc bác ái, phục vụ những người già cô đơn, bệnh tật và người không nơi nương tựa, mà những người không có

đức tin trong chúng ta không thể làm được. Tôn giáo cũng tỏ ra có nhiều kinh nghiệm và góp phần không nhỏ trong công tác từ thiện và an sinh xã hội...

Tất cả những cái đó là những đóng góp không nhỏ của tôn giáo đối với sự phát triển cộng đồng và sự tiến bộ chung của nhân loại.

Lênin cho rằng *đối với Nhà nước, tôn giáo là công việc tư nhân, nhưng đối với Đảng Cộng sản, tôn giáo không phải thuần túy là công việc tư nhân; việc giải phóng con người khỏi áp bức tinh thần của tôn giáo là trách nhiệm của Đảng*. Đảng phải có trách nhiệm đối với đồng bào có đạo, phải giáo dục, giải phóng họ, không được có thái độ thờ ơ để tôn giáo áp bức quần chúng, lôi kéo quần chúng chống lại chế độ xã hội chủ nghĩa

Trong thời kỳ trước đổi mới, do nhận thức chưa thật khách quan, hiểu không đầy đủ, có khi hiểu sai luận điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin nên việc giải quyết vấn đề tôn giáo ở nước ta cũng chưa được phù hợp. Bước vào thời kỳ đổi mới toàn diện đất nước, cùng với những chuyển biến quan trọng trong tư duy lý luận, nhận thức về vấn đề tôn giáo của Đảng ta cũng có những bước phát triển đáng kể.

Đảng ta đã vận dụng sáng tạo quan điểm của Lênin về tôn giáo trong việc tăng cường đầu tư, thực hiện các chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào các tôn giáo

Ngày nay xu thế hội nhập khu vực, thế giới và sự phát triển không ngừng của phương thức sản xuất đã chi phối ngày càng mạnh mẽ vào nền kinh tế xã hội của tất cả các quốc gia trên toàn thế giới, và Việt Nam cũng không nằm ngoài sự chi phối đó. Nền kinh tế nước ta kể từ khi đổi mới đã có bước tiến đáng kể, kinh tế thị trường ngày càng phát triển mạnh mẽ theo nhiều chiều hướng khác nhau. Điều đó đã đặt ra cho các cơ quan nhà nước về quản lý kinh tế phải không ngừng đổi mới và hoàn thiện các công cụ, chính sách quản lý và điều tiết nền kinh tế. Đảng và Nhà nước ta đã tăng cường đầu tư thực

hiện các chương trình phát triển kinh tế - xã hội vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng và văn minh” đặt biệt là ở vùng đồng bào các tôn giáo.

Là một quốc gia đa dân tộc với tổng số 54 dân tộc. Ngay từ thế kỷ đầu tiên của thời kỳ lịch sử, đã hình thành quá trình bổ sung lẫn nhau trong quan hệ kinh tế giữa nhân dân đồng bằng và các dân tộc miền núi và đồng bào các tôn giáo. Tình đoàn kết này không ngừng được củng cố qua các cuộc đấu tranh chống ngoại xâm bảo vệ Tổ quốc.

Tuy nhiên, trên thực tế còn tồn tại một khoảng cách rõ rệt về đời sống vật chất và tinh thần giữa các dân tộc vùng đồng bằng và miền núi cũng như giữa các dân tộc ít người và đồng bào các tôn giáo. Chính phủ Việt Nam đã đề ra nhiều chính sách cụ thể và những ưu đãi đặc biệt để giúp đỡ đồng bào miền núi và đồng bào có đạo phát triển kinh tế - xã hội đồng thời cố gắng phát triển và gìn giữ bản sắc văn hoá truyền thống của mỗi dân tộc.

Trong báo cáo chính trị tại Đại hội Đảng lần thứ VI có ghi: “Sự phát triển mọi mặt của từng dân tộc đi liền với sự củng cố, phát triển của đồng bào các dân tộc trên đất nước ta. Sự tăng cường tính cộng đồng, tính thống nhất là một quá trình hợp quy luật, nhưng tính cộng đồng, tính thống nhất không mâu thuẫn, không bài trừ tính đa dạng, tính độc đáo trong bản sắc của mỗi dân tộc”.

Trong thời kỳ đổi mới, đặc biệt là khi có Nghị quyết 25/NQ-TW cũng như Chương trình hành động của Chính phủ, Đảng và Nhà nước ta đã xác định, việc thực hiện có hiệu quả chủ trương, chính sách và chương trình phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất, văn hóa của nhân dân, trong đó có đồng bào các tôn giáo là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của công tác tôn giáo. Nghị quyết số 25 coi: “Mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ văn minh là điểm tương đồng để gắn bó đồng bào các tôn giáo

với sự nghiệp chung” [5, 49]. Từ nhiệm vụ tổng thể trên, các chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh quốc phòng, các khu vực như: Tây Nguyên, miền núi phía Bắc, đồng bằng sông Cửu Long,... được xác định khá cụ thể trong việc phát triển kinh tế, bảo đảm đời sống vật chất và tinh thần, đời sống tín ngưỡng, tôn giáo của đồng bào trên nguyên tắc tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của công dân.

Các bộ, ngành, Trung ương trong quá trình hướng dẫn địa phương xây dựng định hướng quy hoạch, kế hoạch và cơ chế chính sách phát triển kinh tế - xã hội của các vùng, các địa phương đều đã gắn với kế hoạch chung của cả nước về chính sách hỗ trợ đất ở và đất sản xuất cho đồng bào dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên, Tây Nam Bộ; về công tác định canh, định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số; về phát triển văn hóa, y tế, giáo dục trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có đông đồng bào các tôn giáo khó khăn, các xã, bản nghèo,... Trên cơ sở đó, tham mưu cho Chính phủ cân đối nguồn lực bảo đảm thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia như: Chương trình Xóa đói giảm nghèo, Chăm sóc sức khỏe, Phát triển giáo dục, Văn hóa thông tin... Các chương trình này được chú trọng và ưu tiên đã tạo điều kiện tốt cho việc bố trí nguồn lực ở các xã, thôn, bản có đông đồng bào dân tộc, đồng bào tôn giáo. Quá trình triển khai thực hiện chính sách tôn giáo trong các vùng, miền trọng điểm như Tây Nguyên, Tây Bắc, Tây Nam Bộ đã mang lại những kết quả ban đầu quan trọng, tạo lập được niềm tin của đại đa số đồng bào dân tộc nói chung, đồng bào theo đạo nói riêng đối với Đảng và Nhà nước. Điều này đã góp phần giữ vững ổn định tình hình xã hội, an ninh chính trị ở các vùng; đồng thời; tín ngưỡng, tôn giáo được bảo đảm, đoàn kết dân tộc được củng cố.

Vấn đề tôn giáo và công tác tôn giáo đã được ghi nhận và cân đối trong các kế hoạch, cơ chế, chính sách của các bộ, ngành liên quan và của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Đây là cơ sở để cân đối và bảo đảm nguồn lực phát triển hài hòa của hệ thống chính sách của Nhà nước.

Kết quả thực hiện các chương trình kinh tế - xã hội thời gian qua với số vốn hàng trăm tỉ đồng đã tác động tích cực đến đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội của đồng bào nói chung, đồng bào các tôn giáo nói riêng, góp phần ổn định và phát triển, làm cho đồng bào an tâm, đoàn kết xây dựng đời sống “tốt đời, đẹp đạo”. Một bộ phận lớn đồng bào dân tộc, tôn giáo được giao đất ở, đất sản xuất; được hướng dẫn kỹ thuật, được vay vốn, nhận các điều kiện hỗ trợ cần thiết để sản xuất, tăng thu nhập; tích cực tham gia xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư, góp phần giữ vững ổn định tình hình xã hội vùng giáo, vùng đồng bào dân tộc.

3.4. CHỐNG LẠI CÁC ÂM MƯU LỢI DỤNG TÔN GIÁO CỦA CÁC THỂ LỰC THÙ ĐỊCH

Trước, đây, thực dân Pháp và đế quốc Mỹ lợi dụng các tôn giáo với âm mưu chống phá cách mạng. Hiện nay, các thế lực chống đối ở trong và ngoài nước chưa từ bỏ việc lợi dụng tôn giáo để gây mất ổn định chính trị, gây hoang mang, chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc.

V.I. Lênin căn dặn Đảng và Nhà nước vô sản không được tuyên chiến với tôn giáo, đoàn kết tập hợp quần chúng không phân biệt tín ngưỡng tôn giáo, không xúc phạm, không tuyên chiến với tôn giáo, vạch rõ việc lợi dụng tôn giáo của giai cấp thống trị và các thế lực thù địch, giáo dục vô thần từng bước giải phóng quần chúng ra khỏi ảnh hưởng của tôn giáo.

Vận dụng quan điểm này của Người, Đảng và Nhà nước ta đã thấy được việc chống sự lợi dụng tôn giáo vào mục đích chính trị vẫn rất cần thiết, điều

đó được ghi trong chỉ thị 37/BCT cũng như trong Nghị quyết 26/1999/NĐCP. Tuy nhiên, cần có sự cảm thông, khoan dung, độ lượng vì do thiếu hiểu biết mà các tín đồ bị kẻ xấu lợi dụng. Cần giúp họ hiểu rõ chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước ta trước sau như một và cũng chính là bảo vệ sự trong sáng của tôn giáo mà họ tin theo.

Trong các thủ đoạn, biện pháp thế lực đế quốc và phản động Quốc tế tăng cường chống, phá các nước Xã hội Chủ nghĩa, trong đó có nước ta là lợi dụng triệt để vấn đề tôn giáo như một công cụ hữu hiệu trong chiến lược “diễn biến hòa bình” để chống, phá từ bên trong, từ nội bộ các nước độc lập... mà trước tiên là trên mặt trận tư tưởng – văn hóa, làm cho các nước “tự diễn biến”...

Bản chất của tôn giáo là mong ước một xã hội không có áp bức, bất công, mọi người đều sống bình đẳng... Mong ước đó, cơ bản phù hợp với mục tiêu xây dựng một xã hội: Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Chỉ có một sự khác biệt là cách thức, phương thức để có một xã hội tốt đẹp là hoàn toàn khác nhau.

Trong điều kiện đất nước có nhiều tôn giáo, đa dạng về tổ chức, khác nhau về số lượng, việc đối xử bình đẳng đối với các tôn giáo là việc nên làm, song cần kiên trì giáo dục khi họ bị lừa dối, mê hoặc, làm những điều vi phạm pháp luật, phản văn hoá, không lòng quản lý dẫn đến hiện tượng tiêu cực, mê hoặc quần chúng, bị kẻ xấu lợi dụng vào mục đích chính trị, chống lại Tổ quốc...

Đảng và Nhà nước ta luôn tôn trọng quyền tự do tôn giáo; không những chỉ thừa nhận mà còn bảo vệ sự trong sáng của tôn giáo; được thể chế hóa bằng hệ thống pháp luật và cơ chế quản lý của Nhà nước, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho hoạt động tôn giáo, cho bà con giáo dân sống phúc âm trong lòng dân tộc; thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ công dân của một nước độc

lập; chống lại mọi âm mưu lợi dụng tôn giáo để chống Đảng, chống Nhà nước, chia rẽ khối đoàn kết toàn dân, làm tổn hại đến nền độc lập dân tộc Việt Nam, xâm hại lợi ích Quốc gia và làm trái bản chất tốt đẹp của tôn giáo.

Chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động Quốc tế đã lợi dụng triệt để những ước vọng tốt đẹp của các tôn giáo để thực hiện mục đích thống trị thế giới, thông qua cái gọi là chiến lược diễn biến hòa bình, với mục tiêu xóa bỏ chủ nghĩa xã hội; phá hoại phong trào độc lập dân tộc và hòa bình thế giới; duy trì sự tồn tại lâu dài của chủ nghĩa tư bản, đích cuối cùng là thống trị thế giới.

Âm mưu của chiến lược diễn biến hòa bình là xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản, trước hết là xóa bỏ hệ tư tưởng, đó là chủ nghĩa Mác – Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh; đòi đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập, thông qua hành động mang tính chiến lược toàn cầu phản cách mạng; sử dụng các biện pháp phi quân sự là chính; dùng các biện pháp “hòa bình” để chuyển hóa từ bên trong của các nước mà chúng cho là “đối địch”; làm cho các nước “tự chuyển hóa” theo mục đích của chúng. Trong đó, lợi dụng tôn giáo như một công cụ đặc lực

Chúng ta cần lưu ý đến vai trò và sự liên kết của các lực lượng phản động quốc tế dùng chiêu bài “tự do tôn giáo” để chống phá chủ nghĩa xã hội, chống phá Nhà nước ta. Khi vào Việt Nam, họ phát tán tài liệu và truyền đạo trái phép, kể cả dùng biện pháp mua chuộc bằng vật chất, họ kích động chia rẽ các tôn giáo, móc nối với các phần tử đội lốt tôn giáo đã có nhiều hành vi trái pháp luật. Khi ở nước ngoài, họ liên kết để tuyên truyền xuyên tạc về tình hình tôn giáo ở Việt Nam, hỗ trợ cho các hoạt động chống phá khối đại đoàn kết dân tộc của chúng ta.

Những thành tựu về kinh tế - xã hội và nền chính trị ổn định của Việt Nam đang là yếu tố thu hút các nhà đầu tư nước ngoài. Và một thế hệ người

Việt năng động biết làm giàu cho bản thân và xã hội đang là động lực cho sự phát triển đi lên của cả đất nước.

Tuy nhiên, có một nhóm thiểu số những kẻ cực đoan đang cấu kết với các tổ chức phản động nước ngoài, trong đó có cả những nhóm khủng bố, chỉ với một mục tiêu duy nhất là lật đổ chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam để gây rối loạn xã hội hòng phá hủy toàn bộ thành quả của hơn hai thập kỷ đổi mới.

Bước đi của họ từ thấp đến cao, từ đơn giản đến phức tạp, nhưng khi cần cũng hành động rất trắng trợn công khai. Trước hết, họ tìm cách thoát khỏi sự quản lý của pháp luật hiện hành, của Nhà nước như không xin phép hoạt động, hoặc xin ít làm nhiều trên các lĩnh vực: xây dựng cơ sở, tổ chức lễ hội, tuyên truyền xuất bản, đào tạo huấn luyện, quan hệ với nước ngoài... Tiến lên một bước nữa, họ xây dựng những tổ chức bất hợp pháp. Bất cứ tổ chức tôn giáo nào thật sự hoạt động vì mục đích tôn giáo đều được Nhà nước công nhận tư cách pháp nhân. Nhưng Chính phủ không bao giờ công nhận những tổ chức mang danh nghĩa tôn giáo hoạt động vì mục đích khác nhằm phá hoại độc lập, thống nhất, chủ quyền quốc gia, mê tín dị đoan, xâm phạm đến an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, tính mạng, tài sản, sức khỏe của nhân dân. Chẳng hạn, tổ chức “Giáo hội Phật giáo Hòa Hảo” trước năm 1975 không thể được xem là tôn giáo vì trong tổ chức này có cả một đảng chính trị (Đảng Dân xã Hòa Hảo) với một lực lượng vũ trang 30.000 quân chính quy và 300.000 lính dân vệ bảo an.

Bước chống phá quyết liệt nhất là họ công khai tổ chức tôn giáo như là linh hồn của hoạt động chính trị nhằm bạo loạn lật đổ, chia rẽ, ly khai. “Hội thánh Tin lành Đê Ga”, một tổ chức được lập ra trên đất Mỹ là linh hồn, là cốt lõi của cái gọi là “Nhà nước Đê Ga độc lập”, từ mấy năm nay đã tỏ rõ bản chất phản động của nó trên vùng Tây Nguyên. Những tên chủ chốt lãnh đạo

các cấp của “Nhà nước Đê Ga độc lập” đều giữ các chức sắc tương ứng của “Hội thánh Tin lành Đê Ga”. Những ý đồ tách Phật giáo Nam Tông của đồng bào dân tộc Khome Nam Bộ ra khỏi Giáo hội Phật giáo Việt Nam gắn liền với hoạt động của bọn phản động bên ngoài với cái gọi là “Nhà nước Khome Crôm”.

Ngay từ khi mới ra đời cho đến nay, Nhà nước đã ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh các quan hệ xã hội liên quan đến tôn giáo và hoạt động tôn giáo. Công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực này ngày càng được củng cố và hoàn thiện. Chính sách tự do tín ngưỡng, tôn giáo của Đảng và nhà nước đã cơ bản đáp ứng được nguyện vọng của đồng bào nhân dân, củng cố niềm tin, tạo động lực để đồng bào tôn giáo góp phần xây dựng và bảo vệ tổ quốc.

Hoạt động tôn giáo ở nước ta, bên cạnh xu hướng tuân thủ pháp luật là chủ yếu thì thời gian qua đã xảy ra một số vụ lợi dụng tự do, tín ngưỡng để gây rối trật tự công cộng, đi ngược lại lợi ích của cộng đồng. Trong những ngày qua, dư luận xôn xao về vụ gây rối trật tự tại xã Nghi Phương, Huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An.

Các tôn giáo ở Việt Nam dù nội sinh hay ngoại nhập muốn phát triển đều phải hòa đồng với văn hóa dân tộc và chịu sự quản lý của nhà nước. nội dung quản lý được ghi nhận trong Hiến pháp và pháp luật. Nhà nước ta xác định rõ quyền hạn hoạt động của các tổ chức, cá nhân tôn giáo trên lĩnh vực quản đạo, hành đạo, truyền đạo; nơi thờ tự của các tôn giáo được Nhà nước bảo hộ, việc thành lập tổ chức tôn giáo phải được Nhà nước cho phép, hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo phải đúng quy định pháp luật phù hợp với thuần phong mỹ tục của dân tộc. Mọi hoạt động lợi dụng tự do, tín ngưỡng, đi ngược lại lợi ích của quốc gia dân tộc, phương hại đến an ninh quốc gia đều phải lên án, ngăn chặn và xử lý nghiêm minh.

Xuất phát từ bản chất văn hóa của dân tộc, từ chính sách đại đoàn kết toàn dân, chúng ta đã có những chính sách đúng đắn về tự do tín ngưỡng, tôn giáo. Giờ đây, trong hoàn cảnh mới của yêu cầu phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy nhanh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, chúng ta sẽ tổng kết tình hình và đề ra nhiều chủ trương, giải pháp mới để củng cố khối đại đoàn kết toàn dân, làm thất bại hoàn toàn mọi âm mưu đen tối của các thế lực phản động.

3.5. MỞ RỘNG CÁC HOẠT ĐỘNG ĐỐI NGOẠI TRONG LĨNH VỰC TÔN GIÁO

Trong những năm đổi mới, Chính phủ, các bộ, ngành, các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đã thực sự quan tâm đẩy mạnh các hoạt động đối ngoại tôn giáo và liên quan đến tôn giáo nhằm tháo gỡ những rào cản, vướng mắc ảnh hưởng đến các hoạt động kinh tế, chính trị, ngoại giao và nhiều mặt khác.

Thông qua kênh Chính phủ, các tổ chức phi chính phủ, các tổ chức, cá nhân tôn giáo và liên quan đến tôn giáo ở trong nước với các tổ chức, cá nhân tôn giáo ở nước ngoài; các cuộc hội thảo chuyên đề do các tổ chức phi chính phủ tổ chức, cũng như việc tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức, cá nhân có dịp tiếp cận với thực tế ở các vùng, miền nhạy cảm về tôn giáo, các nhân vật tôn giáo đã làm cho dư luận quốc tế hiểu rõ hơn tình hình và chính sách tôn giáo của Nhà nước Việt Nam.

Các kênh đối ngoại tôn giáo được tăng cường như: trao đổi đoàn; tham dự các diễn đàn, hội thảo đối thoại về nhân quyền, tôn giáo với các nước EU, Mỹ, Ôt-xtrây-li-a, với Ủy ban Tự do tôn giáo quốc tế (Mỹ), diễn đàn nhân dân ASEM hàng năm, hội thảo về pháp luật tôn giáo các nước Đông Nam Á, các cuộc tiếp xúc giữa sứ quán các nước, các tổ chức quốc tế, phóng viên, báo chí nước ngoài với các cơ quan trung ương, các tỉnh, thành phố một cách thường

xuyên, thân tình, khách quan đã mang lại kết quả quan trọng tạo được niềm tin, sự hiểu biết, chia sẻ của các nước, các tổ chức về chính sách tôn giáo, cũng như những vướng mắc trong công tác xử lý một số vấn đề tôn giáo của Việt Nam.

Các cuộc trao đổi kinh nghiệm quản lý với các nước trong khu vực như: Lào, Căm-pu-chia, Trung Quốc, trên kênh cơ quan chức năng nhà nước và các tổ chức tôn giáo được tiếp tục duy trì và tăng cường hơn trong thời gian qua. Cùng với các hoạt động đó là việc hướng dẫn, giúp đỡ các tổ chức tôn giáo cử đoàn tham dự các hội nghị, hội thảo, các sinh hoạt tôn giáo ở nước ngoài như Hội đồng Giám mục Việt Nam tham gia làm thành viên Hội đồng Giám mục Á châu, các Giám mục tham dự lễ tang Giáo hoàng Gioan Phao-lô II và lễ đón nhận chức Giáo hoàng Bên-díc-to XVI, các Đại hội giới trẻ Công giáo thế giới,... Giáo hội Phật giáo Việt Nam tham dự Hội nghị thượng đỉnh Phật giáo quốc tế được tổ chức hàng năm, thăm và trao đổi với Hiệp hội Phật giáo Trung Quốc, Phật giáo Thái Lan, Liên minh Phật giáo Lào, Phật giáo Căm-pu-chia và các cuộc hội thảo về Phật giáo do các nước trong khu vực tổ chức... là những nét mới trong chính sách tôn giáo của Nhà nước ta. Đáng chú ý là: Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã mời và tổ chức đón đoàn Thiền sư Thích Nhất Hạnh và Tăng thân Làng Mai (Pháp) vào thăm và tổ chức một số hoạt động tôn giáo trong thời gian 3 tháng đầu năm 2005 và chuyến thứ hai vào đầu năm 2007; Hội đồng Giám mục Việt Nam tổ chức đón đoàn Bộ trưởng Bộ Truyền giáo Tòa Thánh Va-ti-căng thăm Hội đồng Giám mục Việt Nam và một số giáo phận; Đoàn các Mục sư Mỹ tham dự Đại hội đồng Hội thánh Tin Lành Việt Nam (miền Nam) lần thứ hai,...

Thực tiễn công tác đối ngoại tôn giáo và liên quan đến tôn giáo từ sau khi có Nghị quyết 25/NQ-TW và Chương trình hành động của Chính phủ đã thực sự thấm nhuần đường lối đối ngoại của Đảng và Nhà nước, có sự quan

tâm, điều hành khá thống nhất, đồng bộ và có sự tham gia tích cực chủ động, của các bộ, ngành, các tỉnh, thành phố liên quan đã mang lại kết quả rất quan trọng trong việc làm thay đổi nhận thức, tinh cảm của bạn bè quốc tế.

Một số kiến nghị

Từ việc trình bày những chủ trương và giải pháp trên, chúng tôi xin rút ra một số kiến nghị như sau:

Thứ nhất, tiếp tục hoàn thiện cơ chế thực hiện pháp luật về tôn giáo.

Việc hoàn thiện cơ chế thực hiện pháp luật cần phải có sự đồng bộ, vừa có phương hướng lâu dài, vừa có giải pháp trước mắt, thực hành dân chủ, thực sự ở các vùng đồng bào theo tôn giáo. Giúp cho đồng bào theo đạo hiểu rõ chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

Giải quyết vấn đề tôn giáo mang nội dung khoa học, cần phải bền bỉ, kiên trì không nóng vội, chủ quan.

Thứ hai, tiếp tục đổi mới tổ chức bộ máy của các cơ quan quản lý nhà nước về tôn giáo

Cần phân định rõ ràng thẩm quyền, chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan quản lý nhà nước về tôn giáo, thống nhất từ trung ương đến địa phương. Tăng cường củng cố hệ thống tổ chức, đồng thời tăng cường đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước về tôn giáo, đảm bảo cả về số lượng và chất lượng có kiến thức pháp luật.

Thứ ba, tổ chức công tác thông tin pháp luật về tôn giáo

Do không hiểu biết đầy đủ, không nắm chắc văn bản pháp luật dẫn đến nhiều sai phạm trong quản lý, vi phạm quyền tự do tín ngưỡng của người dân, bị các thế lực thù địch lợi dụng, do đó để khắc phục hạn chế này, cần đẩy mạnh công tác phổ biến, tuyên truyền giáo dục chính sách và pháp luật cho quần chúng có đạo.

Tăng cường công tác đối ngoại về tôn giáo nhằm giúp cho thế giới hiểu về tình hình tôn giáo và chính sách tôn giáo của Nhà nước ta.

Thứ tư: Bài trừ mê tín dị đoan, phòng ngừa chống tuyên truyền đạo trái pháp đồng thời xây dựng cơ chế quản lý kinh phí cho công tác tôn giáo.

Phải kiên quyết ngăn chặn các hoạt động mê tín dị đoan, truyền đạo trái pháp đồng thời phát huy những giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc. Ngoài ra cần nghiên cứu bố trí chi tiêu ngân sách nhà nước cho công tác tôn giáo và quy định cơ chế quản lý, sử dụng kinh phí hợp lý.

Thứ năm, phải có thái độ ứng xử đúng đắn và phù hợp trong vấn đề tôn giáo, vì vậy trước hết và hơn bao giờ hết là phải đặt việc giải quyết vấn đề tôn giáo trong vấn đề dân tộc và văn hóa.

Trong lĩnh vực tôn giáo ở nước ta, xu thế tôn giáo gắn liền với dân tộc là xu thế trội. Do đó Hệ thống tôn giáo truyền thống cũng như tôn giáo ngoại sinh hay nội sinh cũng phải mang yếu tố dân tộc để tồn tại. Vì vậy, nguyên tắc tốt đời, đẹp đạo, sống phúc âm trong lòng dân tộc đề ra và được đông đảo bà con có đạo và không có đạo hưởng ứng. Việt Nam là một quốc gia đa dân tộc, mỗi dân tộc đều có một nền văn hóa riêng của mình nhưng rất gần gũi và là nòng cốt để cố kết dân tộc, tôn giáo là một bộ phận văn hóa.

Thứ sáu, giải quyết vấn đề tôn giáo phải đi đôi với việc chống lợi dụng tôn giáo để chống lại Tổ Quốc

Trước đây, thực dân Pháp và đế quốc Mỹ lợi dụng các tôn giáo với âm mưu chống phá cách mạng. Hiện nay, các thế lực chống đối ở trong và ngoài nước chưa từ bỏ việc lợi dụng tôn giáo để gây mất ổn định chính trị, gây hoang mang, chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc. Vì vậy, việc chống sự lợi dụng tôn giáo vào mục đích chính trị vẫn rất cần thiết.

Ngoài ra cần nâng cao đời sống vật chất và nâng cao hiểu biết của đồng bào có đạo và không có đạo.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước Việt Nam được xây dựng trên quan điểm cơ bản của học thuyết Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về tín ngưỡng, tôn giáo và căn cứ vào đặc điểm tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam.

Tư tưởng nhất quán, xuyên suốt của Đảng và Nhà nước Việt Nam là tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân; đoàn kết tôn giáo, hòa hợp dân tộc. Tinh thần đó được Đảng và Nhà nước Việt Nam thể hiện bằng hệ thống chính sách phù hợp với từng giai đoạn cách mạng và đã có từ khi mới thành lập Đảng.

Xuất phát từ bản chất văn hóa của dân tộc, từ chính sách đại đoàn kết toàn dân, Nhà nước ta đã có những chính sách đúng đắn về tự do tín ngưỡng, tôn giáo. Giờ đây, trong hoàn cảnh mới của yêu cầu phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy nhanh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, chúng ta sẽ tổng kết tình hình và đề ra nhiều chủ trương, giải pháp mới để củng cố khối đại đoàn kết toàn dân, làm thất bại hoàn toàn mọi âm mưu đen tối của các thế lực phản động.

KẾT LUẬN

Sự xuất hiện lý thuyết khoa học về tôn giáo đã đánh dấu mốc quan trọng trong tiến trình nhận thức khoa học của loài người về tôn giáo, tạo ra sự thay đổi căn bản trong cách nhìn nhận vấn đề tôn giáo của các nhà triết học trước đó

Lần đầu tiên trong lịch sử C. Mác, Ph. Ăngghen đã đề cập đến cơ sở vật chất của tôn giáo và nêu rõ nguồn gốc, bản chất, chức năng, vị trí của tôn giáo trong xã hội trên lập trường của chủ nghĩa duy vật lịch sử. Chỉ từ khi triết học Mác xuất hiện thì những quan điểm về tôn giáo mới trở thành những quan điểm thực sự khoa học, duy vật và vô thần triệt để.

C. Mác, Ph. Ăngghen đã đưa ra những kiến giải tổng quát về tương lai của tôn giáo và cơ sở xã hội cần thiết cho sự tiêu vong của tôn giáo nhưng chưa giải đáp cụ thể về tương lai của tôn giáo vì lúc đó chủ nghĩa xã hội chưa xuất hiện.

Đến V.I. Lênin, chủ nghĩa vô thần là vấn đề ý thức hệ, là thái độ của một Đảng Cộng Sản, một Nhà nước công nông đối với tôn giáo trong thời kỳ cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Tôn giáo là một hiện tượng xã hội cực kỳ phức tạp. Cuộc sống thực tiễn cho thấy sức sống kỳ lạ của tôn giáo cũng như ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của con người và xã hội. Một nghịch lý là sự phát triển như vũ bão của khoa học kỹ thuật, công nghệ hiện đại không làm cho tôn giáo “tiêu vong”, mà ngược lại, tôn giáo dường như ảnh hưởng ngày một lớn đến cuộc sống con người và xã hội hiện đại.

Để thực hiện tốt công tác nghiên cứu vấn đề tôn giáo trong giai đoạn hiện nay, chúng ta phải kiên trì quan điểm của chủ nghĩa Mác về tôn giáo, vận dụng sáng tạo những quan điểm đó vào thực tiễn cách mạng Việt Nam, một đất nước tồn tại nhiều tôn giáo, chứa đựng nhiều phức tạp.

Những thay đổi của tôn giáo hôm nay đòi hỏi chúng ta phải có những thay đổi trong nhận thức về nó để làm giàu thêm kho tàng lý luận chủ nghĩa Mác – Lênin trên mọi lĩnh vực, đặc biệt là tôn giáo.

Xuất phát từ bản chất văn hóa của dân tộc, từ chính sách đại đoàn kết toàn dân, Nhà nước ta đã có những chính sách đúng đắn về tự do tín ngưỡng, tôn giáo. Giờ đây, trong hoàn cảnh mới của yêu cầu phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy nhanh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, chúng ta sẽ tổng kết tình hình và đề ra nhiều chủ trương, giải pháp mới để củng cố khối đại đoàn kết toàn dân, làm thất bại hoàn toàn mọi âm mưu đen tối của các thế lực phản động.

Cùng với sự nghiệp đổi mới của đất nước, công tác tôn giáo đã có những biến đổi sâu sắc và đạt được kết quả khả quan hơn. Việc thực hiện tự do tín ngưỡng đã đi vào nề nếp bên cạnh việc bảo đảm sự phát triển của kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống nhân dân, trong đó có cả đồng bào có đạo.

Trong những năm gần đây, cùng với sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, hoạt động tôn giáo trong cả nước khá sôi động và đúng pháp luật; đó là kết quả của đường lối lãnh đạo đúng đắn của Đảng cũng như sự quản lý có hiệu quả của Nhà nước ta

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt :

- [1] Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương (2002), *Vấn đề tôn giáo và chính sách tôn giáo của Đảng cộng sản Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [2] Bộ Chính trị Đảng Cộng sản Việt Nam (16/10/1990), *Nghị quyết về tăng cường công tác tôn giáo trong tình hình mới*, phòng Thông tin tư liệu-BTGCP, số 24.
- [3] Nguyễn Hồng Dương (2004), *Tôn giáo trong mối quan hệ văn hoá và phát triển ở Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội.
- [4] Đảng Cộng sản Việt Nam (1991), *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
- [5] Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [6] Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [7] Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [8] Hoàng Minh Đô (2013), “Bức chân dung tôn giáo tín ngưỡng hôm nay”, *Tạp chí khoa học xã hội Miền Trung*, số 3.
- [9] Mai Thanh Hải (1998), *Tôn giáo thế giới và Việt Nam*, Nxb Công nhân dân.
- [10] Mai Thanh Hải (2004), *Từ điển tôn giáo*, Nxb. Từ điển bách khoa.
- [11] *Hiến pháp Việt Nam* (1946, 1959, 1980, 1992, 1995), Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

- [12] Hồ Trọng Hoài, Nguyễn Thị Nga (2006), *Quan điểm của C. Mác - Ph.Ăngghen - V.I. Lênin - Hồ Chí Minh về tôn giáo và sự vận dụng của Đảng Cộng sản*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [13] Đỗ Minh Hợp (chủ biên) (2006), *Tôn giáo học nhập môn*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
- [14] Nguyễn Tấn Hùng, Lê Hữu Ái (2010), *Triết học (Dùng cho đào tạo sau đại học chương trình không thuộc chuyên ngành Triết học)*, Nxb Đà Nẵng
- [15] Nguyễn Tấn Hùng, Lê Hữu Ái (2011), *Bài giảng môn Triết học cơ sở*, Đà Nẵng, 2011
- [16] Nguyễn Tấn Hùng (2005), *Nghiên cứu về chủ nghĩa vô thần nhằm phục vụ cho việc giảng dạy các môn khoa học Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và các môn khác có liên quan*, Đề tài NCKH cấp Bộ, Mã số: B2004-14-29.
- [17] Nguyễn Tấn Hùng, *Lịch sử triết học phương Tây. Từ triết học Hy Lạp cổ đại đến triết học cổ điển Đức*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2012.
- [18] Nguyễn Tấn Hùng, *Bài giảng Phân tích tư tưởng triết học của C. Mác, Ph. Ăngghen và V.I. Lênin qua các tác phẩm*, Đà Nẵng, 2012.
- [19] Trần Khang, Lê Cự Lộc (dịch 2001), *Mác, Ăngghen, Lênin Bàn về tôn giáo và chủ nghĩa vô thần*, Nxb Chính trị quốc gia Hà Nội.
- [20] Khoa học về tín ngưỡng và tôn giáo (1996), trích tác phẩm kinh điển chủ nghĩa Mác- Lênin về tôn giáo, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [21] V.I. Lênin (1979), *Toàn tập*, t. 11, Nxb Tiến bộ, Matxcova
- [22] V.I. Lênin (1979), *Toàn tập*, t. 12, Nxb Tiến bộ, Matxcova.
- [23] V.I. Lênin (1979), *Toàn tập*, t. 17, Nxb Tiến bộ, Matxcova.
- [24] V.I. Lênin (2006), *Toàn tập*, t. 29, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội
- [25] V.I. Lênin (2005), *Toàn tập*, t. 37, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội

- [26] VI. Lênin (2005), *Toàn tập*, t. 39, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội
- [27] VI. Lênin (2006), *Toàn tập*, t. 45, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội
- [28] Nguyễn Đức Lữ (chủ biên) (2007), *Lý luận về tôn giáo và chính sách tôn giáo ở Việt Nam*, Nxb. Tôn giáo.
- [29] C. Mác và Ph. Ăngghen (2000), *Toàn tập*, t. 1, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội
- [30] C. Mác và Ph. Ăngghen (2000), *Toàn tập*, t. 20, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội
- [31] C. Mác và Ph. Ăngghen (2000), *Toàn tập*, t. 21, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [32] C. Mác và Ph. Ăngghen (2000), *Toàn tập*, t. 42, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [33] Hồ Chí Minh (2000), *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.7
- [34] Hồ Chí Minh (2003), *Về công tác tôn giáo*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [35] *Một số tôn giáo ở Việt Nam*. Phòng thông tin tư liệu. Ban Tôn giáo Chính phủ, Hà Nội, 1998.
- [36] *Những đặc điểm của một số tôn giáo lớn ở Việt Nam*. Viện Thông tin khoa học, Trung tâm Khoa học về tín ngưỡng và tôn giáo, 1997.
- [37] Nguyễn Xuân Nghĩa (2003), “tôn giáo trong thời hiện đại: thể tục hóa hay phi thể tục hoá? *Tạp chí nghiên cứu Tôn giáo*, số 2.
- [38] Lê Tôn Nghiêm (2000), *Lịch sử triết học phương Tây*, 3 tập, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh
- [39] Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo (2005), Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [40] *Tạp chí nghiên cứu tôn giáo* (2002), Viện nghiên cứu tôn giáo, Viện KHXH Việt Nam, số 1.

- [41] Tạp chí nghiên cứu tôn giáo (2002), Viện nghiên cứu tôn giáo, Viện KHXH Việt Nam, số 2.
- [42] Tổng cục Chính trị (sách tham khảo) (1993), *Một số hiểu biết về tôn giáo. Tôn giáo ở Việt Nam*, Nxb. Quân đội nhân dân.
- [43] Trần Văn Trinh (2008), “Các tôn giáo ở Việt Nam đồng hành cùng dân tộc trong thời kỳ đổi mới”, *Tạp chí nghiên cứu tôn giáo*, số 3.
- [44] Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn Quốc gia, Viện Thông tin khoa học xã hội (2001), *Tôn giáo và đời sống hiện đại*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [45] Ủy ban mặt trận tổ quốc Việt Nam (11/2000), *Một số vấn đề tôn giáo và công tác tôn giáo của mặt trận* (lưu hành nội bộ), Hà Nội.
- [46] Đặng Nghiêm Vạn (2000), “Hồ Chí Minh và vấn đề tôn giáo”, *Tạp chí nghiên cứu tôn giáo*, số 2.
- [47] Viện nghiên cứu tôn giáo, Đặng Nghiêm Vạn (chủ biên) (1996), *Về tín ngưỡng Việt Nam hiện nay*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [48] Viện nghiên cứu tôn giáo, Đặng Nghiêm Vạn (2003), *Lý luận về tôn giáo và tình hình tôn giáo ở Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [49] Viện nghiên cứu tôn giáo, Đặng Nghiêm Vạn (chủ biên) (1998), *Những vấn đề lý luận và thực tiễn tôn giáo ở Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [50] Viện nghiên cứu tôn giáo, Nguyễn Thanh Xuân (chủ biên) (2007), *Một số tôn giáo ở Việt Nam*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội.
- [51] Hoàng Tâm Xuyên (Chủ biên) (1999), *Mười tôn giáo lớn trên thế giới*, Nxb chính trị Quốc gia, Hà Nội.

Trang Website:

- [52] Ban Tôn giáo Chính phủ (2013), *Giới thiệu về các tổ chức tôn giáo đã được công nhận*,
<http://btgcp.gov.vn/Plus.aspx/vi/News/38/0/162/%20/%20/>
- [53] Ban Tôn giáo Chính phủ (2013), *Các văn bản của Đảng và Nhà nước liên quan đến lĩnh vực tôn giáo*,
<http://btgcp.gov.vn/Plus.aspx/vi/News/38/0/159/%20/%20/>
- [54] Ban Tôn giáo Chính phủ (2013), *Mối quan hệ giữa tín ngưỡng và hiện tượng tôn giáo mới*,
<http://btgcp.gov.vn/Plus.aspx/vi/News/38/0/240/0/1766/>
- [55] Ban Tôn giáo Chính phủ, *Công tác tôn giáo hiện nay: một số vấn đề đặt ra từ hệ thống chính trị ở nước ta*,
<http://btgcp.gov.vn/Plus.aspx/vi/News/38/0/240/0/1233/>
- [56] Website <http://sachhiem.net> Thập giá và lưỡi gươm của Đại đế Constantine, Charlie Nguyễn.
- [57] VOV (21-3-2013), *Vấn đề tôn giáo trong Hiến pháp sửa đổi*,
<http://vov.vn/Chinh-tri/Van-de-dan-toc-ton-giao-trong-Hien-phap-sua-doi/252675.vov>

